DU-GIÀ LUẬN KÝ

QUYỂN 15 (Phần Đầu)

BẢN LUẬN QUYỂN 55

Trong phần y theo hai nghĩa danh, sắc, để nói trong Uẩn khéo léo ở trên. Đầu tiên, là dùng mười nghĩa để phân biệt nghĩa sắc đã xong. Nay, ở luận này, tức phần sau, giải thích Danh của bốn uẩn.

1/ Kết trước, sinh sau, cho đến tùy đối tượng thích hợp để lập ra tướng.

2/ Giải thích, trong đó, trước dùng mười môn để giải thích riêng về danh của bốn uẩn, sau y theo ở ba tánh, bốn uẩn, đều tạo ra chín môn để giải thích.

Trong phần một, đầu tiên, là giải thích lập tướng nhất tâm trong Bản địa phần quyển hai. Trong đây, dẫn riêng hai kinh, chẳng phải là văn của Bản địa phần, như đức Thế tôn nói v.v... là kinh thứ nhất. Lại, nói như thế v.v... là kinh thứ hai. Dưới đây, là giải thích văn kinh. Pháp sư Cảnh nói: "Loại như thế, cho đến phát nhất tâm, là nghĩa chuyển khởi; thuộc về tâm hiện khởi nối tiếp nhau, gọi là phát nhất tâm.

Giải thích về dẫn kinh đầu tiên, chỉ phát nhất tâm và giải thích kinh sau, do nói một tâm tịnh. Lại, dựa vào đạo lý nối tiếp nhau của thế tục, gọi là phát một ngữ và phát nghiệp thân, đây là giải thích kinh đầu tiên và một ngôn thuyết, huống chi là thân, ngữ, đúng như lượng của tâm kia, thuận theo vâng làm."

Pháp sư Khuy Cơ nói: "Trong đây, y theo cảnh duyên sự, tùy theo lượng sát-na nhiều ít, gọi là nhất tâm, chứ chẳng phải một sát-na tâm, gọi là nhất tâm."

Nói về ý phân biệt với năm thức vô phân biệt đồng duyên hiện cảnh. Có ba lý do giải thích nhân duyên:

1- Rất rõ ràng do ý thức kia với năm thức vì đồng được hiện cảnh, nên ý thức đối với cảnh, đều được sáng suốt rõ ràng.

2- Vì đối với tác ý kia, nên tác ý căn bản muốn lấy hiện cảnh.

Năm thức, câu sinh ý thức đồng "duyên" sắc kia.

3- Do hai y giúp đỡ, nuôi nấng, nghĩa là ý thức kia: 1/ Nương tựa vào ý căn, tức là Mạt-na. 2/ Dựa vào nhãn căn cũng có sự giúp đỡ, nuôi nấng. Do nhãn thức kia vì dựa vào mắt, phân biệt rõ sắc, khiến cho ý thức nọ chấp cảnh rõ ràng. Cho nên nhãn căn cũng có sự giúp đỡ, nuôi nấng đối với ý thức kia. Vì thế, nên nói là hai y giúp đỡ, nuôi nấng."

Pháp sư Khuy Cơ nói: "Như luận Tập Lượng Lý Môn nói: "Năm thức chỉ hiện lượng, đồng thời ý thức cũng vậy. Nay, năm thức trong đây, làm sáng tỏ hiện lượng, không gọi là có phân biệt, vì không tương ứng với tầm, từ v.v.... Thức thứ sáu dù cùng năm thức đồng duyên hiện lượng, gọi là phân biệt, vì tương ưng với tầm, từ, nên gọi là đồng duyên hiện tại, có thể được sáng rõ, vì duyên quá khứ. Như "duyên" với việc trong một trăm, một ngàn kiếp, tức không sáng rõ. Như cách phá trong quyển năm mươi mốt. Nay nhân thứ nhất này đã nói vì rất sáng rõ, như vì duyên hiện tại, nên có được sự sáng rõ, chẳng phải năm thức vì có "duyên" quá khứ, nên lại được sáng rõ. Nhân thứ hai với năm thức đồng thời, đã tác ý ở năm cảnh, nên biết cũng "duyên" hiện tại.

Nhân thứ ba, hai y giúp đỡ, nuôi nấng, nghĩa là nhãn thức có bốn y căn. Bốn căn với nhãn đồng với thứ năm thêm tự, điều này có nghĩa là ý thức dựa vào căn của nó và hai y giúp đỡ, nuôi nấng của nhãn căn. Mới có thể "duyên" hiện tại. Nếu chỉ dựa vào một y của mình, thì sẽ "duyên" cảnh không sáng rõ. Đây là y theo trong cảnh tán, chẳng phải định. Ở đây dựa vào nhãn làm môn để chấp cảnh, gọi là giúp đỡ, nuôi nấng, chứ chẳng phải đồng với nhãn thức dựa vào căn, gọi là giúp đỡ nuôi nấng.

Lại như thức thiện ác của nhãn v.v... khởi lên, thì phải do ý dẫn phát mới được. Do ý giúp đỡ nhãn thức, nên mới có thiện, ác, mới biết được ý, nhãn đồng "duyên".

Nói về tương ưng với phiền não. Tự tánh của tâm vương thanh tịnh, chỉ do tương ưng nên tùy miên đeo đuổi, nên nhiễm. Pháp sư Cảnh nói: "Trong luận tiểu thừa, Tỳ-Bà-Xà-Bà Đề phân biệt Bộ, lấy nghĩa này trong Đại thừa làm tông chỉ, nên thuyết ấy nói là tánh tâm vốn thanh tịnh, vì khách trần che lấp nên nói là bất tịnh. Về sau khi lìa chướng, lại được gọi là thanh tịnh."

Hỏi: Phiền não trói buộc ở nơi tâm, sẽ nói là những gì trong hai nhân nhiễm ô?"

Đáp: "Sẽ nói là tương ưng, nghĩa là hai "hoặc" "bản" và "tùy" chỉ là hiện khởi, đều được gọi là Triền (ràng buộc). Những gì trong đây

đều là tùy miên, cho đến tánh không yên ổn, nghĩa là đoạn văn này tức nói, hoặc nói là hạt giống "hoặc" gọi là thô nặng tánh không yên ổn, vì hạt giống của "hoặc" kia khiến cho thân tâm không thể chịu đựng. Du-già quyển mười một rằng: "Tịnh lự thế gian chỉ có thể dứt bỏ phẩm thô nặng kia, không nhổ đi hạt giống."

Đoạn văn kia chính là nói thế lực của hạt giống "hoặc" không có khả năng trong thân, tâm, gọi là sự thô, nặng. Lại, giữ gìn các hành, cho đến hiện quán là khổ, nghĩa là do tùy miên thô, nặng, giữ gìn hạnh hữu lậu không được tự tại, làm cho hành động không yên, vì hạnh kia trở nên khổ, nên nói như vậy.

Dưới đây, sẽ nói về quán khổ, như thuốc độc, bệnh đơn nhiệt, ung nhọt v.v... nghĩa là địa tầm, từ được nói như thuốc độc, bệnh nóng, ung nhọt; thoa tro nóng vào người, càng thêm nỗi khổ kia, gọi là quán khổ khổ. Như thuốc độc, bệnh nóng ung nhọt, thoa thuốc mát vào một ít, cảm thấy niềm vui nhỏ nhoi, gọi là quán khổ Hoại. Như tự tánh của thuốc độc, bệnh đơn nhiệt, ung nhọt là quán khổ hành".

Pháp sư Khuy Cơ nói: "Thuyết trong đây khi tâm sinh, tự tánh thanh tịn, đây là y theo chẳng phải tự tánh nhiễm, gọi là thanh tịnh, chứ chẳng phải vì vô lậu nên thanh tịnh, đồng như trong kinh Thắng-man. Thứ tư, là nói về ba thứ nhiễm não:

1- Nói là nghiệp bất thiện,

2- Nói là khổ ưu, vì y theo cõi dưới.

Nổi khổ được y theo ở quả, nghĩa là chỉ khổ không có ưu tư, các phiền não là thứ ba, nên chung cả ba cõi.

Nói về Phược (ràng buộc). Pháp sư Cảnh nói: "Hạt giống phiền não đeo đuổi, ràng buộc, gọi là phiền não buộc tâm. Ưa sửa sang y bát, mỗi thứ sự nghiệp, trở ngại cho người tu Thánh đạo, gọi là nghiệp ràng buộc. Lại đối với ba chỗ, cho đến cho rằng tâm xuất ly, nghĩa là ưa chấp mắc sinh, tử che lấp tâm chán lìa, cầu giải thoát, tức ngăn che phần thiện giải thoát.

Đối với hỷ, lạc được xuất ly nghĩa là các gốc lành như noãn v.v... ở nơi định khởi, tương ưng với hỷ lạc, có thể được phương tiện xuất ly của Thánh đạo. Nghiệp ác của cõi Dục, làm che lấp ba thứ thiện kia. Đối với người được Thánh đạo chính là chướng ngại cho sự chứng đắc Thể của Thánh đạo. Lại, thuận với nghiệp Dị thục, cũng gọi là sự ràng buộc của nghiệp. Nghĩa là nghiệp của đường ác; nghiệp của Uất đơn việt; nghiệp v.v... của trời Vô tưởng. Lại nghiệp v.v... của tà nguyện, nghĩa là nguyện làm rồng chim cánh vàng v.v... Lại, nghiệp của các

ngoại đạo cầu sinh lên cõi trời.

Chia ra riêng làm sáu, tổng hợp làm bốn.

1- Sự nghiệp ưa chấp mắc.

2- Nghiệp bị chướng ngại ở ba chỗ.

3- Nghiệp thuận với Dị thục.

4- Nghiệp tà nguyện, đây tức là bốn.

Trong nghiệp thứ hai, chia làm ba, gọi là chia ra riêng có sáu: Pháp sư Thái nói: "

1- Tâm xuất gia, gọi là tâm xuất ly.

2- Đối với xuất gia,sinh tâm mừng vui.

3- Đối với được Thánh đạo hai nghiệp trước tức là phương tiện của Thánh đạo, nên đối với Thánh đạo không lập đắc thánh đạo hỷ tâm lạc

Pháp sư Khuy Cơ nói:" xuất ly và Hỷ lạc, đây là xuất gia. Nếu là pháp xuất gia tức là gia hạnh của kiến đạo.

Thứ sáu, là nói về Biến hành; biệt cảnh.

1- Hỏi đáp, nêu bày.

2- Nói về tướng.

3- Nói về tác Nghiệp.

Về sau, nói về bốn cảnh. Trong nói về tướng nói rằng: "Đặt ra sở duyên, lập bày danh ngôn, giả hợp mà chấp, hình tượng, tướng, mạo giả, nói là tướng tùy miên, rằng không thể hiểu rõ các tưởng như danh ngôn v.v... chỉ có hạt giống của ngôn thuyết theo duỗi, giúp đỡ, hun đúc (huân tập)khiến tùy miên kia cũng khởi tưởng phân biệt.

Tùy theo nhận lãnh, nghĩa là tùy theo cảnh nào, gặp nhau, liền nhận lãnh.

Kế là nói về tác nghiệp, Luận sư Trắc nói: "trước nói về tự tướng, trong đây đối quả để nói về nghiệp:

"Tác ý v.v..., gọi là nhân; tâm là quả."

Pháp sư Khuy Cơ nói: "Xúc trong đây là nghiệp gì? Nghĩa là đối tượng nương tựa của thọ, tưởng, tư là nghiệp. Như ở chỗ khác. Luận Đối Pháp v.v... chỉ là thọ dựa cái gì không nói tưởng, tư v.v....

Luận này khái Luận Đối Pháp, nghĩa là luận này có y theo nói chung, đều dựa vào xúc. Kế là xúc tác ý sinh sau. Nếu y theo ở tướng tùy chuyển, tức chỉ có thọ. Thọ vì nghiệp nào ái sinh, đối tượng nương tựa làm nghiệp, nghĩa là ái cảnh giới v.v... đều do sau Thọ mới sinh.

Dưới đây là nói về năm biệt cảnh. Do sự bốn cảnh sinh, nghĩa là đối tượng ái v.v.... Đối tượng ái, nghĩa là muốn nương tựa. Quyết định

nghĩa là Thắng giải y. Tập quán nghĩa là niệm y, quán sát làm hai y, như luận nói.

Nói về ba tâm: Suất nhĩ; tìm cầu và quyết định. Trước, sau đồng loại. Ý hỏi trong đây, nghĩa là các tâm sở có phải là uẩn khác của bất tương ưng chăng? Pháp này là tâm suất nhĩ (Tùy tâm) khởi, hay là đến lúc tâm quyết định khởi?"

Đáp: "Tùy tâm liền khởi"

Trong đây vì sao chỉ nói ba tâm trước, không nói tâm thứ tư, thứ năm? Mỗi tư duy, cũng ở trong câu hỏi. Lại, tánh của tâm trước, quyết định chỉ có Vô ký; biến hành, biệt cảnh không nhất định. Bốn thứ có cả ba tánh, hoặc có "đắc" đều khởi phiền não v.v... thiện khác. Nếu khởi tâm thiện, ác, thì tất nhiên, đều đi chung với pháp này, nghĩa này quyết định. Biến hành v.v... kia không chỉ một tánh quyết định. Trong đây chỉ hỏi duyên cớ này, nên chỉ hỏi về ba tâm trước, không được hai tâm sau.

Hỏi: "Như kinh nói, cho đến "nay, sự khác nhau đó", đây là nêu kinh. "Vì sao tướng Dị của pháp kia đã thành tựu, tức là mà nói hòa hợp không khác nhau ư?" ý hỏi: "Tánh tướng của các tâm, tâm pháp đều khác nhau sao lại là không thể phân tích, hòa hợp, không có khác nhau?"

Đáp: "Đa số đều hòa hợp giúp đỡ nhau, mới khởi đối với cảnh, thọ dụng mà nhận lãnh, hiểu biết mới viên mãn, thiếu một, thì không xong. Gọi là không có khác nhau.

Bốn thứ tên khác của tâm pháp, "Vì sao gọi là tương ưng?"

Đáp: "Do sự bình đẳng cho nên bình đẳng: Pháp sư v.v... Pháp sư Khuy Cơ noí: " Sự bình đẳng nghĩa là Thể, vì Thể đều một, không có thọ v.v... thứ hai.

Xứ bình đẳng v.v... Nghĩa là đồng chuyển biến ở một xứ, cảnh lại, vì dựa vào duyên xứ v.v....

Thời gian bình đẳng. Nghĩa là đồng một sát-na.

Việc làm bình đẳng. Nghĩa là đồng một cảnh, hạnh, nghiệp đã làm. Như "duyên" xanh là xanh.

Lại, đã tạo thiện ác, vô ký. Pháp sư Cảnh nói: "Vì sao không nói về hành tướng là bình đẳng ư?

Giải thích: "Trong Đại thừa, nói về hành tướng, không được nói là bình đẳng. Vì sao? Vì hành là kiến phần; tướng là tướng phần, nghĩa tâm, tâm sở khi chấp cảnh trước, mỗi thứ hạnh giải của kiến phần đều khôngđồng nhau. Dựa vào kiến phần này mà biến ra khác nhau của

tướng phần, phần nhiều khác nhau) nên không được nói Hành tương ưng bình đẳng."

Pháp sư Thái nói: "Hoặc, nghĩa là có chỗ nói, chia xứ ra làm hai: Nghiệp lẫn với thể v.v... Dùng bốn nghĩa bình đẳng để giải thích về nghĩa tương ưng, đây là khai hợp không đồng.

Trong giải có hạnh, lại như nhãn thức, tâm và tâm sở đồng lấy một cảnh bản chất, đều đối với một sở duyên, khởi nhiều hạnh giải, đều biến ra tướng phần thích hợp với tự tâm khởi, gọi là vô lượng thứ hành tướng mà chuyển. Trong có sở y. Pháp sư Cảnh nói: "Như một nhãn thức nương gá vào ba căn sinh:

1- Nhãn căn

2- Ý căn thành, diệt theo thứ tự.

3- Xa từ Mạt-na làm căn nhiễm ô. Thức khac cũng vậy, nên nói: "Do một chủng loại nương gá mọi đối tượng nương tựa gọi là có sở y.

Hỏi: "Nếu vậy thì tất cả các pháp như sắc v.v... hữu vi đều có nương gá, mới được sinh khởi. Cho nên sắc pháp cũng có sở y, đâu có trực tiếp với tâm pháp v.v... ư?"

Nay, giải thích: "Dù pháp hữu vi chẳng có pháp nào không nương tựa, nhưng chẳng phải nghĩa y trong đây nói, nghĩa là trong đây nói là căn dùng làm sở y; các sắc pháp không nương tựa vào căn sinh, không gọi là có y."

Pháp sư Khuy Cơ nói: "tâm sở y v.v... đồng với một thức chủng loại nương gá vào đối tượng nương tựa, như nhãn thức nương vào nhãn căn, tâm sở cùng lúc, cũng vậy. Suy ra các thứ còn lại rất dễ hiểu.

Người ngoài, vặn hỏi rằng: "Các pháp hữu vi đâu có nương tựa, vì sao tâm pháp v.v... lại riêng được gọi tên ư?

Nêu giải thích rằng: "Dù pháp hữu vicó chỗ nương tựa, nhưng chẳng phải lả nghĩa "y"đã kết luận trong đây. Vì kia tự chia nhân đều chẳng phải thường nương tựa. Hơn nữa, vì pháp tương ưng, cộng hữu chẳng phải "hằng y" nên chỉ luôn làm y, nghĩa làm lượng y trong đây. Nhãn v.v... là sở hữa thức v.v... gọi là "hữu y" chứ chẳng phải pháp khác. Hoặc nói sở y, nghĩa là tức loại sáu thức, nương gá vào các căn "sở y". Thức "năng y" được gọi là "y sở hữu" nên nói là "hằng y". Cách giải thích này là hơn".

Nói có năm thứ pháp đối lập nhau:

1- Khổ, vui đối nhau.

2- Dùng khổ, vui đối với Xả

3- Không khổ, vui đối với vô minh kia.

4- Minh đối lập với vô minh

5- Minh đối với Niết-bàn.

Nói: "Đáp: Do tất cả phiền não với các thọ đều là giúp đỡ, vì đối lẫn nhau. Pháp sư Cảnh nói: "Xả thọ có tất cả các thọ tượng ưng vói phiền não. Vô minh cũng vậy, tương ưng với tất cả phiền não, vì nghĩa ngang nhau, cho nên đối nhau."

Pháp sư Khuy Cơ nói: "Nghĩa giúp đỡ cho các thọ là Xả thọ. Tất cả phiền não giúp đỡ là vô minh. Thọ làm bạn giúp đỡ đối với thọ. Phiền não giúp đỡ đối với phiền não, nên nói là đối lẫn nhau. Lại thọ và vô minh đều có thể làm phiền não thọ và giúp đỡ, nên hai thuyết đối nhau.

Dùng đoạn văn này để chứng minh Chi chánh tri không lập làm chi, phản ảnh xả thọ trong thiền thứ tư.

Trên đây trong mười môn lẫn lộn, quyết định lực chọn danh của bốn uẩn đã xong. Dưới đây là thứ hai, lấy chung ba tánh thuộc về bốn Vô Sắc dùng làm chương, trải qua chín môn, nhằm phân biệt, giải thích, trong đó đầu tiên, buộc bốn uẩn để làm ba tánh, nói là tất cả đều không khác nhau, nghĩa là bốn uẩn đều có cả ba tánh, không có khác nhau; có chung, không chung, kế là nêu một bài tụng, chín môn trình bày:

1- Y xứ.

2- Tự tánh.

3- Tương ưng.

4- Thế tục bình đẳng.

5- Nhu nhuyến bình đẳng.

6- Sự.

7- Khác nhau.

8- Được mất.

9- Năng trị sở trị

Dưới đây là trải qua chín môn, phân biệt ba tánh tức có ba đoạn:

1/ Trải qua chín môn, phân biệt uẩn thiện. Trước là nói về y xứ có sáu thời gian. Dưới đây là giải thích tự nói trong môn Tương Ưng thứ ba.

2- Nói về tự tánh, mười một trong Đại thừa, đều là tự tánh thiện, không đồng với Bà-sa cho rằng: "Chỉ dùng sự hổ thẹn và ba gốc lành làm tự tánh thiện.

3- Trong tương ưng, quyển sáu mươi chín nói rằng: "Trong mười một thiện, chỉ trừ khinh an, mười thứ còn lại tất cả tâm thiện đều có. Nếu theo quyển ba của pho đầu nói: "Có bao nhiêu pháp chỉ dựa vào

điều thiện, chẳng phải tất cả xứ, tâm sinh, nhưng tất cả địa chẳng phải tất cả theo thời gian ư?"

Đáp: "Tín v.v..., Bất hại là biên sau. Lại, quyển năm mươi ba chép: "Chỉ có hổ, sẽ có thẹn. Tự có thẹn, chưa chắc có hổ, dù có các thuyết không đồng. Nay, dựa vào quyển sáu mươi chín để xét định: Nếu ở định, tất nhiên đều khởi với mười một nói thiện. Nếu ở địa bất định lúc khởi tâm thiện, tất nhiên đều khởi với mười số, trừ khinh an.

Nay, nói sáu thời là có, không, nghĩa là y theo vào tác dụng của thế lực được tăng cường để nói.

Quyển năm mươi ba chép: "Có thẹn, chưa hẳn có hổ, cũng y theo ở tác dụng của thế lực. Vì hổ là tự cảm thấy xấu hổ; thẹn, là hổ thẹn với người khác, chỉ có tội tự xấu hổ, lẽ tất nhiên, xấu hổ đối với người khác. Tự có xấu hổ đối với người khác, chưa hẳn là tự xấu hổ". Nếu không y theo tác dụng của thế lực. Mà y theo ở thể để luận về có, không, thì thuyết kia cũng nên thừa nhận chỉ có "vô tâm" (không có xấu hổ), tất nhiên có "vô quí", không hẳn có "vô tâm".

Trong giả, thật nếu theo Luận Đối Pháp quyển nhất nói: "Vô si, cái gọi là sinh đắc Văn, Tư, Tuệ, lấy quyết định lực chọn làm thể. Hạnh Ác không thay đổi sở y làm nghiệp. Văn này dường như nói Vì si là giả, vì y theo Tuệ trong biệt cảnh phát ra thể vô si. Ngài Tam Tạng nói: "Nêua tuệ tương ưng, làm sáng tỏ thể vô si, vì hai mươi hai căn không thuộc về gốc lành vô si, nên biết có văn riêng nêu ra. Văn nói ba pháp là giả.

Phân biệt ba phẩm: Gốc lành của Địa bất định là phẩm hạ. Định thiện của thế gian là phẩm trung, vô lậu là phẩm thượng, y theo trong vô lậu thiện.

1- Dứt trừ "hoặc" phẩm thượng, gọi là Hạ;

2- Dứt trừ "hoặc" phẩm trung, gọi là Trung.

3- Dứt trừ "hoặc" phẩm hạ gọi là Thượng.

Nay vì kết hợp để nói, nên nói là phẩm hạ, nghĩa là các Địa bất định đã có gốc lành vô lậu của địa định, dứt trừ phiền não ở trên.

Nói phẩm trung, nghĩa là định thiện của thế gian và vô lậu kia có công năng dứt trừ phiền não phẩm trung. Gốc lành xuất thế phẩm thượng dứt trừ không phiền não. Lại, các pháp lành, hoặc do năng lực gia hạnh v.v.... Pháp sư Cảnh nói: "Gần, ở đời này, siêng tu gia hạnh, thành tựu phẩm thượng, gọi là năng lực gia hạnh. Hoặc đã từng nhiều đời vì thường quán tập, nên trở thành phẩm thượng, gọi là năng lực tập quán. Tánh vô thỉ thành tựu, gọi là năng lực tự tánh. Đối với ruộng thù

thắng, bình đẳng của Tam Bảo, ban cho năng lực sĩ dụng, phat sinh thiện phẩm thượng, gọi là năng lực sĩ dụng của ruộng. Vì dựa vào thân lìa dục thanh tịnh kia khởi, nên thành tựu phẩm thượng, gọi là năng lực thanh tịnh."

Pháp sư Khuy Cơ nói: " Tất cả tâm thiện hai cõi trên, lại có Hữu học, Vô học lấy tâm thiện hữu lậu, vô lậu."

Lúc gốc lành sinh. dựa vào tám thứ sự: ba thư đầu là phước: gồm Thí, giới, tu. Tu là bốn vô lượng; ba thứ kế là Trí, gồm văn. Tư, tu. Nói tu khác, nghĩa là ngoài bốn vô lượng đã có tu khác, tức là thiện của phần giải thoát và phần Quyết Trạch.

Phân biệt lực chọn thứ bảy tức nhập vô học kiến, tu, phân biệt lựa chọn đế lý, an lập, phi an lập v.v....

Tám nhiếp hữu tình, tức là hạnh lợi người. Phải biết trong đây tùy ở công hạnh thích hợp, dựa vào sự đã nói, nghĩa là kết gốc lành ở trước, dựa vào tám sự nhiếp.

"Hoặc đối với hiện pháp v.v... "trở xuống, là nói về thắng lợi của tám sự nhiếp kia. Nếu người tu hành kia, hoặc đối với pháp hiện tại, hay pháp mai sau, tùy theo bị một thứ tham, giận, ác, kiến tương ưng với tâm thành nhiễm. Do dựa vào tám sự nhiếp, tu các đối trị thí, giới v.v..., nên đã khiến cho pháp nhiễm không còn tương ưng.

Nói về sự khác nhau của điều thiện, hoặc có một thứ cho đến mười thứ, như Bản địa phần nói:

1- Thiện, vì đều do nghĩa không có tội, nên phân biệt với bất thiện.

2- Nói là gia hạnh sinh đắc.

3- Nói là tự tánh tương ưng với đẳng khởi, cho đến mười nghiệp đạo thiện này.

Năm thứ môn mười thiện thêm số, như Bản địa quyển ba nói. Lại, các pháp thiện, hoặc vì có đối trị tạp nhiễm, nên bình đẳng, nghĩa là dùng sáu nghĩa để nói về thiện."

Pháp sư Cảnh nói: "Đôi trị tạp nhiễm là dứt trừ đối trị thiện, tạp nhiễm lặng dứt, nghĩa là đối trị hàng phục "hoặc". Nhiếp thọ quả, nghĩa là phàm phu, người học thiện hữu lậu.

Tịnh nối tiếp nhau, nghĩa là trong thân Vô học đã khởi pháp thiện. Cúng dường linh miếu, nghĩa là nói chung, phàm và Thánh chỉ tu một phần phước, thiện.

Nhiếp hữu tình, nghĩa là việc thiện lợi người. Pháp sư Khuy Cơ nói: "Đối trị nghĩa là đạo Vô gián. Tịnh tức, nghĩa là đạo giải thoát.

Hoặc Vô lậu trước, đạo hữu lậu sau."

Tịnh nối tiếp nhau. Nghĩa là luật nghi giới thiện.

8- Trong nói về điều thiện không có lỗi lầm, có đức, trong đó có bốn cặp:

1- Lìa bỏ ác, nhóm họp điều thiện.

2- Bỏ khổ, được niệm vui.

3- Nhàm chán hữu vi, ưa thích vô vi.

4- Nói về lợi ích hiện tại, lợi ích mai sau.

Trong cặp ban đầu, là tạp ác trong đối, tức lìa hai điều ác, làm cho gốc lành không lui sụt, tức là pháp, thiện đã sinh, có thể giữ trọn không mất, khiến cho hành tướng đăng lưu mà chuyển biến nối tiếp nhau, tức là phương tiện của pháp thiện chưa sinh, làm cho sinh.

Trong đối thứ hai có sáu trường hợp nói về lìa nhân khổ, quả khổ, nghĩa là một trường hợp không vì hại mình v.v.... Nói được quả vui, nghĩa làm cho thọ được sinh hỷ, lạc kia.

Trong cặp thứ ba, có thể suốt đời là nhàm chán hữu vi, khổ sinh trong tám khổ là hàng đầu, điều thiện có thể suốt đời lam hàng đầu, nơi đã có tám khổ. "Lại, có thể tăng trưởng v.v... " trở cuống, nói về ưa thích vô vi.

Trong cặp thứ tu, sự lợi ích trong hiện tại có ba:

1- Của cải không thoái hóa.

2- Ở trong chúng luôn mạnh mẽ, tiếng tăm được đồn đại khắp nơi.

3- Lúc sắp qua đời không hối tiếc.

- Lợi ích đời sau, gồm có ba:

1- Sinh về đường lành.

2- Việc thiện không có lùi mất.

3- Mau chóng chứng Niết-bàn.

9- Đối trị có mười lăm thứ: Đối trị nhàm chán tai hoạn, nghĩa là quán khổ, tập, là nhàm chán khổ hu hoại, là đạo gia hạnh.

Đoạn đối trị, nghĩa là đạo Vô gián, duy trì đối trị, nghĩa là chứng vô vi kia, là đạo giải thoát.

Phần xa, nghĩa là từ đạo giải thoát làm hàng đầu. Dưới đây, đã khởi các đạo so với phiền não đã dứt ở trước, có ngăn ngừa xa. Bốn đối trị này thuộc về đạo khắp hết. Ba lần "lại nữa" dưới đây, chỉ là nghĩa, vì phân biệt nên biểu hiện, lại không có tự thể riêng.

Nói "Đối trị dục vọng dẫn đến ràng buộc", nghĩa là quán năm cảnh dục của thế gian đều là bất tịnh.

Tổng hàng phục tham, chẳng phải sở dục" dẫn đến triền (buộc ràng) nghĩa là quán kẻ thù nọ như bạn thân, là hàng phục sân chung.

Lại, như văn dưới đây nói: "Dục là người, trời. "Phi sở dục" là ba ác.

Đối trị tùy miên: Dứt trừ tùy mien của ba nhà kia là quán chân như.

Đối trị phiền não phẩm nhuyến trung thượng: Đây là nói về nhiếp, trị cũng hết.

Đối trị tán loạn, nghĩa là buộc tâm ở định.

Đối trị kén chọn, ăn năn: Quở trách, can ngăn hữu tình, sao cho dứt được phiền não.

Đối trị yếu kém, Pháp sư Cảnh nói: "Tự cố gắng tiến tu, có công năng dứt trừ sự yếu kém".

Pháp sư Khuy Cơ nói: "Làm cho việc ác yếu kém, gọi là đối trị yếu kém".

Đối trị hàng phục, nghĩa là đối với chúng sinh nặng về tham, thì quán bất tịnh v.v....

Bốn đối trị trên, là gia hạnh của đạo đoạn. Dưới đây, là nói về chánh đoạn Vô gián, nghĩa là đối trị lìa trói buộc.

Tóm lại, bốn lần "lại nữa", là nói về các đối trị, có mười lăm thứ.

Trên đây, là chín môn nói về thiện.

Dưới đây, là nói về nhiễm. Trước chia ra chung hia chương nhằm nêu thuyết trước sau. Sau, là giải thích hai chương, mỗi chương đều có chín môn.

Trong chỗ nương tựa của 'hoặc" kia, trước y theo vào cảnh sở duyên để nói về." Chỗ "hoặc" nương tựa gồm có sáu thứ. Sau, "thuộc đương" nương tựa.

Trong phần trước gồm có:

1- Cảnh thuận của đối tượng duyên tham.

2- Đối tượng duyên của sân.

3- Đối tượng duyên của vô minh.

4- Đối tượng duyên của mạn.

- Mạn có bảy thứ:

1- Trực danh mạn, "duyên" cảnh cõi dưới.

2- Danh quá mạn, "duyên" cảnh bình đẳng sinh.

3- Mạn quá mạn.

4- Bất như mạn, đồng "duyên" cảnh trên mà khởi,

5- mỗi cảnh đều có năm thủ uẩn riêng, nghĩa là đối tượng duyên của ngã mạn.

6- Được chưa được điên đảo, nghĩa là tà mạn.

7- Công đức điên đảo, nghĩa là tăng thượng mạn, mạn ban đầu trong bảy đạo lý. Đối với thấp hơn nói là mình hơn. Đối với người hơn nói mình là bằng.

Mạn quá mạn, bất như mạn chỉ "duyên" cảnh trên. Trong đây, lại dựa vào một tướng để nêu bảy cảnh mạn: Năm là cảnh của kiến, sáu là cảnh của nghi. Sáu phiền não này, như văn luận khác, tức chẳng phải thứ lớp này.

Trong tương ưng Vô minh, tương ưng với tất cả nghi, đều không có bình đẳng. Ngài Khuy Cơ v.v... nói: "Như Đối Pháp quyển sáu nói: "Giận không tương ưng với tham, mạn, kiến. Không nói giận không tương ưng với nghi."

Lại, trong giải thích về giận nói rằng: "Như giận, nghi cũng vậy, nên biết rằng văn ấy nói: "Giận tương ưng với nghi."

Trong đây, chẳng phải tất cả, nghĩa là ở luận này y theo vào phần nhiều, luận kia y theo vào nỗi nghi ngờ từ lâu không thôi, đã sinh ra giận. Giận tương ưng với nghi. Luận này y theo vào thời gian lúc đầu, còn luận kia y theo thời gian sau. Luận này y theo ở tướng thô, cho nên không tương ưng. Luận Đối Pháp kia y theo vào môn Chân thật lý.

Trong đây tham, giận trái nhau, không tương ưng, tham thừa nhận tương ưng với mạn, kiến. Luận Đối Pháp kia đồng với trường hợp đó. Luận này cho rằng: "Giận tương ưng với mạn, kiến, còn Đối Pháp thì không thừa nhận và cho rằng: "Giận không tương ưng với mạn, kiến. Luận này thì y theo ở môn Chân thật lý; Luận Đối Pháp kia lại y theo môn tùy thuận lý". Luận Đối Pháp kia y theo ở tướng mạo ghét, giận dữ, vì tăng ngữ. Luận ấy chép: "Nếu đối với việc này khởi tâm oán ghét, giận dữ, thì tức là sẽ không tỏ thái độ tự cao ở đây và có thể tìm kiếm, mong cầu, cho nên không được tương ưng. Tuy nhiên, luận này y theo hành tướng của thật lý nhỏ nhiệm. Nếu ngạo mạn vào thời gian kia vì tìm kiếm mong cầu ở thời gian đó, chấp nhận oán ghét, giận dữ, nên được tương ưng. Nhưng vì ở đây y theo Đại thừa nên lý được không sai trái."

Lại giải thích: "Văn này y theo theo luận kia hội ý rằng: "Như tham, giận cũng vậy, nghĩa là nói giận không tương ưng với mạn, kiến v.v..., cũng vậy, nghĩa là sân không là sân kia tương ưng với mạn, kiến v.v..., đều nói cũng thế cũng không tham tương ưng với mạn kiến, sân

cũng không tương ưng với tham, như than không tương ưng với giận."

Luận này nói: "Nhiễm ái, oán ghét, giận dữ cũng vậy, nghĩa là không do giận, cũng tham được tương ưng với mạn, như tham không tương ưng với giận, cũng là giận không tương ưng ví tham, đồng như luận kia tức là giận không tương ưng với mạn, kiến. Nhưng với giải thích trước là hơn. Văn còn lại đồng với với đây. Như quyển năm mươi tám dưới đây nói: "Năm kiến không tương ưng lẫn nhau, vì tự tánh chúng không tương ưng, nên tham, giận, mạn, nghi lại trái nhau.

Không tương ưng lẫn nhau và đưa ra lý do. Luận Đối Pháp kia y theo vào môn lý tùy chuyển thô của hành tướng, cũng không trái nhau.

Xứ phiền não đủ yên trong ba phẩm, được nói là căn cơ thuần thục, nghĩa là tánh phần nhiều là phẩm thượng. Pháp sư Cảnh nói: "Quyển hai mươi trở lên nói: "Xứ đủ yên là các căn thành thục, bấy giờ thường khởi phiền não phẩm thượng".

Pháp sư Thái, Pháp sư Khuy Cơ đồng nói: "Từ khi lên mười lăm tuổi trở đi, căn thành thục, nếu khởi tánh phiền não, thì thường thuộc về phẩm thượng; chẳng phải phiền não gia hạnh, nghĩa là chẳng có thể khởi xứ phiền não, là không thể khởi xứ gia hạnh mà là khởi phiền não, tức đối với Tam bảo, khởi lên các phiền não.

Có phiền não nghiệp, nghĩa là phát nghiệp. Luận Đối Pháp chép: "Tu "hoặc" cõi Dục, hay phát hạnh ác cũng là bất thiện, ngoài ra là vô ký, tức thuận với phiền não phát nghiệp trong đây, là phẩm thượng kia."

Trong môn sự, tức là sáu trường hợp tham. Pháp sư Thái nói: "Nói tham, nghĩa là cảnh chưa được, vì là không. Tâm tham tự biểu hiện tướng cảnh để tham, không đồng với quá khứ hiện tại, vốn có cảnh tánh tướng mà tham, nên gọi là tham tham. Tham cái, nghĩa là từ trước, đã từng thọ dụng cảnh quá khứ, sinh ra, quyến luyến, chấp mắc, vì cảnh đã thọ dụng lại, vì cái là nghĩa che lấp, nên gọi là tham cái. Lúc hiện cảnh ít ỏi, vị lai chưa khởi, vì không đồng với quá khứ, nên không gọi là tham cái.

Có, không có thọ, tức tham của hai chấp đoạn, thường.

Trong giận, Pháp sư Cảnh nói: "Tất cả hữu tình cõi Dục khởi giận, đều dựa vào mười việc. Sáu việc trước và thứ mười, đối với sự hữu tình khởi giận, sự thứ bảy, cảnh không vừa ý, giận đối với sự phi tình. Đối với hai sự tám, chín, tùy trên tình, phi tình nổi giận. Vì, hoặc đối với thân người khác. Hoặc đối với chuyện dụng cụ, tiền của, công việc làm vượt hơn của người khác, đâm ra ganh ghét nổi giận. Tập quán kiếp

trước (túc tập) cũng vậy. Do túc tập nổi giận đối với tình, phi tình (vật vô tri giác).

Nói "Dựa vào sáu việc ở trước để lập chín việc như não v.v...", nghĩa là ba sự đầu là chung, ba sự kế là y theo ở đời, phân biệt thành chín. Ban đầu khi nghe người ta nói có người nào đó, trước đây, mới hôm qua mắng nhiếc chính thân ta và bạn thân ta đã khen kẻ thù của ta, mãi đến hôm nay nghe, gọi là "duyên" việc mà bạn thân đã khen, che kẻ thù, chính bản thân ta trong quá khứ, mà sinh ba thứ sân. Văn lược chỉ nói kẻ thù, bạn thân trong quá khứ, cũng có thể hiện tại, vị lai thuộc về trong thân thuộc của chính mình, đều có ba, so sánh sẽ biết.

Dưới đây gom mười thành ba, giận thẳng người khác, thấy chẳng phải hữu tình. Lại, vì chẳng phải xứ vốn tình, khởi, nên không gọi là sân cảnh giới, chỉ gọi là sân kiến:

Pháp sư Khuy Cơ nói: "Trong bốn thứ dưới, trừ ganh ghét, ba thứ còn lại, hoặc ở trước không nhịn nhục hữu tình mà tiếp xúc với cảnh, khởi sân, gọi là sân hữu tình. Do ở trước không nhẫn nhục, nên cũng gọi là sân túc tập và gọi là sân kiến.

Cho nên không luận về sự ganh ghét kia, là vì "duyên" cảnh giới sinh, nghĩa là trước đây chủ yếu "duyên" hoặc tiếng đồn, lợi dưỡng, cho đến các cảnh sự như giòng họ v.v... sinh, vì sân nên chẳng phải biện luận trong đây. Lại, chín não hại của sáu thứ trước, được gọi là chung là hữu tình. Trừ hữu tình này, "duyên" núi, sông, đất liền, khởi sân, gọi là sân cảnh giới thứ bảy. "Duyên" sự ganh ghét thứ tám sinh, tức gọi là tiếng đồn v.v... cũng thuộc về sân hữu tình. Vì kiến của cảnh quán tập trong đây, nên cũng là sân kiến. Là không đúng! Vì túc tập thứ tám chung với chín thứ còn lại.

Trong mười thứ này có ba phần vị: bảy thứ là sân hữu tình; một thứ là sân cảnh giới; một là sân kiến; túc tập chung cả ba thứ.

Luận sư Trắc nói:

1- Thuộc về sáu thứ trước và sân thứ tám.

2- Thuộc về sân thứ bảy.

3- Thuộc về sân thứ mười.

Trong vô minh nương tựa vào bảy việc, khởi bảy vô tri. Hoặc lại nói mười chín, môn đầu của bảy thứ kia khởi ba vô tri, nghĩa là ba đời vô tri. Sự thứ hai cũng có ba, nghĩa là ngã của sáu xứ bên trong, ngã sở của xứ ngoài và đều chấp nhiều ngã. Ở ba sự cũng có ba, đó là ở nghiệp báo hai và đều có ba thứ vô tri."

Pháp sư Cảnh nói: "Đối với nghiệp sở tác, khởi kiến của tác giả.

Đối với Dị thục kia khởi kiến của thọ giả. Đối với nghiệp Dị thục, khởi song song kiến của tác giả, và thọ giả.

Tướng của ba kiến như thế, gọi là vô minh, vì ba thứ không có, nhân ác nhân kiến, nghĩa là lập ngã làm tác giả, gọi là nhân ác, chê bai không có nhân chính đáng, gọi là vô nhân. Ở đây chỉ lập lại việc trên, không nói lại có việc vô tri khác.

Pháp sư Khuy Cơ nói: "Do đều không có, nên khởi không có trí, không có nhân, nhân ác. Việc này khác nhau với Bản địa thứ chín nói: "Ở sự thứ tư có ba, đó là Tam bảo; ở sự thứ năm có bốn: Bốn Đế; ở sự thứ sáu có hai. Pháp sư Cảnh nói: " Đối với nhân và nhân đã sinh ra hành, không hiểu rõ việc vô tri là hai.'

Pháp sư Khuy Cơ nói: "Vì mê nhân nhiễm, nên chấp cho là tác giả, thọ giả, sĩ phu v.v.... Vì mê quả, nên chấp các hành là thọ giả v.v... với tưởng thanh tịnh, mà khởi tà hạnh.

Thứ bảy có một. Pháp sư Cảnh nói: "đã được gốc lành thế gian, cho rằng được Thánh đạo, rồi khởi tăng Thượng mạn."

Pháp sư Khuy Cơ nói: "Nghĩa là sáu xúc xứ, như thật thấu suốt. Tăng Thượng mạn như văn noí, nên có mười chín.

Như văn, chỉ có bảy cảnh giới vô tri v.v... xét bản Địa quyển chín có đủ bảy vô tri, mười chín vô tri thuộc về nhau v.v.... Ngã mạn dựa vào sáu sự sinh, như ở trước, trong môn y xứ đã giải thích: "Kiến dựa vào hai sự: Đầu tiên về sự tăng ích có bốn, trừ tà kiến, theo thứ lớp phối hợp, nghĩa là thân biên kiến, giới thủ hai. Tánh thường, vô thường, nói là tăng ích v.v... " Pháp sư Cảnh nói: " Nên nói tăng ích vô thường, chấp là thường, văn này trái ngược vì cũng có thể vô thường là đoạn, thêm tánh đoạn kia cũng gọi là tăng ích.

Ba, bốn tăng ích, Pháp sư Cảnh nói: "Chấp cẩm giới này làm nhân được sinh Phạm thiên, gọi là tăng thượng sinh phương tiện, là giới cấm thủ, chấp các kiến nhiễm cho là Niết-bàn. Nhân giải thoát là kiến thủ kia. Nếu không chấp giới, kiến, chấp ngay Phạm Thiên là nhân của chúng sinh, cho đến chấp pháp hữu lậu khác là đạo, là nhân Niết-bàn, rất là vượt hơn v.v..., đều là tà kiến".

Pháp sư Khuy Cơ nói: "Chấp giới ác của thân, ngữ trong Đại thừa, như chấp giới heo, gà v.v..., chẳng phải kiến chấp vượt hơn, vì kiến sinh, nên gọi là kiến thủ, không đồng với luận Tiểu thừa. Trong sự tổn giảm có bốn, thì không thí cho v.v..., gọi là chê bai nhân, đó là như Đối Pháp nói, trong đây có năm. Nghĩa là thí cho, ái lạc, tế tự, diệu hạnh và hạnh ác, đồng với chê bai trong quả. Trong chê bai tác dụng, luận Đối

Pháp nói: "Không có thế gian này, không có thế gian kia; không có mẹ, không có cha; không có hữu tình hóa sinh, gọi là chê bai tác dụng."

Văn của ba kết luận trong đây:

1- Nói là chê bai tác dụng qua, lại của đời khác, tức là thế gian, nơi này, nơi kia.

2- Giữ gìn tác dụng của hạt giống, tức cha mẹ.

3- Che bai tác dụng nối tiếp nhau, tức hữu tình hóa sinh trong đây. Chính vì cho nên luận này sẽ giải thích, trong tác dụng của sĩ phu có bốn rằng:

a- Qua, lại nghĩa là không có thế gian nơi này, nơi khác.

b- tác dụng duy trì thai tạng,chê bai rằng không có mẹ.

c- Chê bai tác dụng của hạt giống dưới, chê bai rằng không có cha.

d- Chê bai nghiệp của đời (hữu) sau, cho rằng không có trung hữu; hữu tình hóa sinh, từ nghiệp của thân (hữu) sau.

Luận này chia ra cha mẹ làm hai, luận Đối Pháp nói là một.

Theo luận này, chia ra rộng lược về tám việc, hai việc sinh ra năm kiến, nghĩa lược qua là hai tăng, giảm; rộng là tám, đó là mỗi thứ tăng giảm đều có bốn, sinh ra năm kiến. Lại, dựa vào sáu mươi hai việc, sinh ra hai kiến. Có bốn biên thường; một phần bốn thường trong sáu mươi hai kiến. Tướng "có" mười sáu; tướng "không" đều chẳng phải đều có tám. Hợp lại, có bốn mươi kiến, dùng thường kiến trong chấp kiến làm thể. Bảy kiến đoạn diệt. Dùng đoạn kiến trong Biên kiến làm thể. Có mười lăm kiến khác vì dùng tà kiến làm tánh.

Nghi, dựa vào sáu việc sinh:

1- Nghe pháp bất chánh, trước sau trái nhau. Ngờ vực nhau về lý đã nói là đúng hay chẳng đúng.

2- Nhận thầy tà hạnh nghi hành vi của thầy mình là tà đạo.

3- Chấp những điều tin nhận, với ý kiến khác nhau nghĩa là điều mà ngoại đạo tin nhậnđiều xuất phát từ mọi ý kiến bất đồng. Nghi ngờ mục tiêu mà họ hướng đến chẳng phải chân rốt ráo?

4- Tánh tự ngu si, thô lỗ, do đó sinh ngờ vực.

5- Pháp tánh thật sâu xa, vì chưa hiểu rỏ nên sinh nghi.

6- Đối với giáo pháp rộng lớn, vì chí lui sụt nên sinh nghi.

Trong môn khác nhau. Pháp sư Cảnh nói: " khởi hoặc"trong nhiều năm, gọi là địa vị tán. Cũng có thể do các triền của cõi Dục ràng buộc, nên gọi là địa vị tán loạn. Phiền não Phạm giới, gọi là phiền não của địa vị can ngăn, ăn năn. Đến khi già, bệnh mà khởi phiền não, gọi là

phiền não của địa vị yếu kém. Phiền não của địa định, gọi là địa vị chế ngự, khuất phục. Cũng có thể hàng phục rồi lùi lại, khởi phiền não. Lìa "hoặc"của Địa dưới, khởi hoặc của Địa trên, gọi là phiền não của Địa vị lìa trói buộc.

Pháp sư Thái nói: "Thứ mười một là địa vị thọ giới chứa phát tâm. Thứ mười hai là đã phát tâm thọ giới. Đã có phạm giới, bị người khác bàn bạc, nêu tội, rồi tự ăn năn sửa đổi. Là đã có "hoặc" trong địa vị này.

Thứ mười ba, tu quán bất tịnh v.v... để hàng phục "hoặc" yếu kém thường hiện khởi.

Thứ mười bốn, đã được đẳng khởi của sáu hạnh thế gian hàng phục tu hoặc, nhưng vẫn có kiến hoặc.

Thứ mười lăm, đã được đối trị của kiến đạo lìa trói buộc, nhưng vẫn có tu hoặc hiện khởi.

Pháp sư Khuy Cơ nói: "Đây tức như mười lăm thứ trong các thiện ở trước, theo thứ lớp phối hợp, đều được lập một nghĩa tăng thượng, gọi là chẳng phải khắc thể. Như môn trong, gọi là nhàm chán tai hoạn. Kiến đạo, gọi là "trì"; Tu đạo gọi là phần xa."

Kế là, nói về tùy y xứ của "hoặc" có chín:

1- Xoay vần ở chung, nghĩa là ở chung, phần nhiều sinh giận hờn.

2- Xoay vần nêu nhau: Vì nêu lên tội của mình, nên sinh phiền não che giấu.

3- Nhân lợi dưỡng mà sinh ganh ghét.

4- Dựa vào lối sống bất chính (tà mạng), mà sinh giả dối, nịnh hót.

5- Dựa vào cử chỉ không kính tọng tôn sư, rồi sinh kiêu hãnh, buông lung.

6- Nhân không nhẫn nhục sinh ra hại.

7- Phá giới tăng thượng, không khởi hổ, thẹn.

8- Phá tâm tăng thượng.

9- Làm hư hỏng tuệ tăng thượng, nên sinh mười hai thứ "hoặc" khác".

Hỏi: Sự kính trọng lấy hổ thẹn làm thể, không cung kính lấy hổ thẹn làm thể. Nay, sao lại nói không kính trọng tôn sư mà sinh tâm kiêu ngạo ư?"

Luận sư Bị nói: "nói rộng luận nêu ra thể, đại khái có hai nghĩa:

1/ Hai pháp dịch đúng để nêu ra thể, nghĩa là cung kính, lấy sự

xấu hổ làm thể không cung kính, lấy không xấu hổ làm thể.

2/ Chủ thể trị, đối tượng trị trái nhau để phát ra thể, nghĩa là không kính trọng tôn sư, tức gọi là kiêu ngạo; nên không có trái nhau.

Trong môn Tự tánh, đầu tiên, nói về tự tánh sau thuộc về y xứ. Trong tương ưng. Pháp sư Cảnh nói: "Trong đây nói không có hổ, thẹn (vô tàm quý) tương ưng với tất cả bất thiện, trong khi quyển năm mươi ba lại nói về thể của bất luật nghi, chỉ nói rằng: "Tư, Nguyện bất thiện, bất tín, (lười biếng) Vong niệm (quên); tán loạn và ác tuệ, đều là căn bất thiện, không nói vô tàm, quý, ở đây tức vô tàm, quý chưa hẳn tương ưng với tất cả pháp bất thiện. Cũng có thể ở chỗ kia vì không có hổ thẹn, ở trong pháp bất thiện. Nhất định có điều để hiểu, nên không nói. Lại, trong đây lược qua không luận về Tầm, Từ tương ưng với ba tánh."

Luận sư Trắc nói: "Hai pháp Tầm, Từ hoàn toàn là hư hỏng, vì lược qua nên không nói."

Pháp sư Thái nói: "Hôn trầm, trạo cử, vì hai thứ này không đồng nhau, nên không tương ưng. Lúc "cử" tùy phiền não khác tương ưng với "trạo"; khi "trầm" tương ưng với "hôn", vọng niệm, tán loạn; bất chánh tri là phần si; ông nói là tương ưng với tất cả tâm nhiễm. Pháp sư Khuy Cơ nói: "Năm pháp hôn trầm, trạo cử; bất tín, lười biếng; buông lung thường tương ưng chung với tất cả phẩm nhiễm ô". Như văn quyển năm mươi tám dưới luận này, theo văn dưới đây nay lại thêm: Hôn trầm, điệu cử; tà dục, thắng giải là mười đều cùng khởi với tất cả nhiễm, vì sao ba đoạn văn này trái nhau?

Lại có một giải thích: "Đoạn văn của quyển năm mươi lăm này về Đối Pháp quyển sáu cùng mười thứ dưới đây không đồng nhau. Nghĩa là nay, văn này y theo ở năm căn tín và trái với trong thiện, tức nói là tương ưng, cho nên, năm thứ như Tín v.v... và buông lung là sáu, nói là phẩm nhiễm đều cùng có.

Hai pháp hôn trầm, trạo cử dù luôn chung cho cả định tuệ có chướng ngại. Sinh ra pháp trái nhau thô, tế, nhưng vì hôn trầm thì thấp, điệu cử thì cao, nên chẳng phải trái lại trong thiện, vì thế, nên xứ này có sáu: ba thứ đồng với luận Đối Pháp, còn ba thứ kia thì không đồng, không có hôn trầm, trạo cử.

Tà dục, Thắng giải trong văn dưới của luận Đối Pháp, là y theo một phần trong biệt cảnh mà có, cho nên chỗ này không nói, vì chỗ này, hai mươi tùy "hoặc" không có dục thắng giải.

"Nếu vậy, vì sao lại nói ba pháp: Vong niệm, tán loạn và tuệ ác đều cùng có với các tâm, vì đây là biệt cảnh".

Đáp: "Vì đây là chung cho phần biệt cảnh, cũng là phần căn bản si, nên văn dưới đây nói: "Vong niệm; tán loạn và ác tuệ là phần vị si, đó là lý do cũng nói tương ưng."

"Nếu vậy, tức văn dưới đây nói: "Phú, cuống, siễm, miên, ác tác, đều là phần vị si, vì sao không nói là tương ưng?"

Nghĩa là: "Vì phân biệt cảnh sinh, ở đây vì chủ yếu "duyên"riêng cảnh ô nhiễm sinh, nên không nói là đều khởi. Dục, Thắng giải cũng vậy, đều có hai phần, nên trong đây không luận. Đó là lý do hoàn toàn không có dục, thắng giải.

Trong đây chỉ sáu ý, Đối Pháp năm. Nghĩa là ba pháp như bất tín v.v... đồng với cách giải thích của luận này. Nhưng vì tướng thô, tế của hai pháp hôn trầm, trạo cử trái nhau, nên luận này không nói. Luận Đối Pháp cho rằng: "Được định, tuệ đều cùng khởi, vì đối tượng chướng ngại đồng thời, nên tướng tế của hôn trầm, điệu cử kia có thể che lấp, cũng là thể đồng thời sinh, cho nên nói là hôn trầm, trạo cử". Tuy nhiên, ba pháp vong niệm; tán loạn và ác tuệ mà luận Đối Pháp nói, vì là phần biệt cảnh, nên luận ấy không nói. Vả lại vì không có tà dục, tà thắng giải, nên chỉ lập hai mươi tùy "hoặc". Sở dĩ không có hai pháp dục, thắng giải chỉ có hai mươi, là vì như ở trước đã hội ý với một giải thích trên đây, nếu tâm nhiễm đều có, như mười pháp của văn sau là quyết định. Do nghĩa ở trước cho nên, các luận đều giải thích hoặc sáu, hoặc năm. Lại giải thích: "Văn dưới đây dù nói rằng: "Với mười pháp đều có, nhưng chưa hẳn là tất cả đều cùng chung, vì sao, v.v... là?"

Dục "duyên" mong cầu ở vị lai; niệm "duyên" quán tập trong quá khứ, làm sao hai pháp này có thể đều cùng sinh? Tướng trầm thì tối tăm, thấp, tướng trạo thì đưa lên cao. Hai pháp thấp cao trái nhau. Đã trái nhau, thì làm sao đều sinh? Bốn pháp dục, giải, trầm, trạo đã không được cùng nhau sinh, nên ở đây, y theo văn các luận đều nói: "Chỉ có sáu là hơn, vì chủ yếu phải đều sinh luận Tạp Tập cũng thế, chưa hẳn là đồng thời sinh. Đối tượng chướng ngại định, tuệ đồng thời, trầm, điệu đều cùng lúc khởi đã trái với pháp thiện, đã đều cùng khởi với ba pháp như bất tín v.v..., nên nói là "câu". Đối tượng chướng ngại đã trái với đều cùng khởi, nên nói là năm pháp, thật ra chưa hẳn đều sinh? Các văn nói sáu ở đây là quyết định; mười lăm pháp khác, đều y theo ở nghĩa riêng, hội ý ở đây là hơn.

Thùy miên, ác tác, tương ưng với ba tánh, vì hai pháp thông qua ba tánh, nên là phần si, nghĩa là vì nói trong triền, nên chỉ tánh bất thiện, là nói phần si.

Còn lại bất tương ưng, nghĩa là như ở trước đã nói: "Giận, hờn "duyên" sự ở chung sinh "khởi', há không tương ưng ư?"

Nghĩa là: "Cảnh, sự đồng, nhưng quá khứ, hiện tại khởi riêng, cho đến tất cả pháp còn lại, như sự thích ứng. Các pháp này, như quyển năm mươi tám nói: "Hai xứ khởi tùy phiền não v.v... ". Đoạn văn này có nhiều khác nhau, cần xét kỹ.

Trong giả, thật. Pháp sư Cảnh nói: "Trầm, là luận về là giả, thật, nói có hai đường:

1/ Y theo ở phần phiền não căn bản này, nói là giả, nhưng, đều có tự thể riêng từ hạt giống sinh, tức được huân tập hạt giống riêng. Làm sao biết được? Vì trong thuyết tùy phiền não có Độc đầu khởi và tương ưng khởi. Lại, nói vô tàm, vô quý tương ưng với tất cả tâm bất thiện; sáu pháp như bất tín v.v... tương ưng với tất cả tâm nhiễm ô.

2/ Nói Tùy "hoặc" là giả, nghĩa là không có tự thể riêng, tức y theo ở nghĩa khi Bản "hoặc" khởi, nói là Tùy "hoặc", như nghĩa lúc sân kia khởi, nói là phẫn, hận, não, tật, hại v.v.... Lại, về nghĩa lúc tham khởi, nói là san (keo kiệt), kiệu, điệu cử; tùy theo nghĩa mạnh mẽ, nghĩa là nói là Độc đầu. Nghĩa yếu ớt, nói là tương ưng. Nếu theo nghĩa này thì lúc tùy "hoặc" khởi, tức là Bản "hoặc" tự huân tập thành."

Dù có hai giải thích, nhưng cách trước là tốt, vì trước, sau đều nói là tham không cùng có chung với sân, điệu cử là phần tham. Nếu phân biệt nghĩa vui say tham mà nói thì làm sao nói được đều có chung với sân? Vì tức y theo nghĩa tham để nói điệu cử. Vô tàm, vô quý, bất tín, biếng nhác là vật thật có. Bốn pháp này y theo trái với bốn số trong thiện, nên nói là thật.'

"Nếu vậy, hại trái với bất hại, sao gọi là giả?"

Đáp; "Bất hại là giả. Nay trái với bất hại là hại, ha được là thật ư? Lại, điệu là phần vị tham, làm sao tương ưng với tất cả phiền não được?"

Giải thích: "Chính vì y theo ở nghĩa tham có nghĩa xao động đây không ngừng nên nói là điệu, tức nghĩa này tương ưng với thể."

"Nếu vậy, Lý này thật sự có, nhưng về tướng mạo của tham dục, điệu cử giao động này mạnh, nên nói riêng điệu cử là phần tham kia. Hai thứ Tầm, Từ cuối cùng đều là giả có. Y theo vào thuyết nói rằng: "Nếu Tư là Thể của Tầm, Từ, thì nay nói là phần gia hạnh v.v..., tức là ý tứ khởi nghiệp ngữ làm gia hạnh trước và phần tuệ, nên đều là giả có."

Pháp sư Thái nói: "Bốn pháp như Vô tàm v.v... là thật có, như

luận Đối Pháp nói: "Phẫn v.v... đều là giả có. Vì sao trái nhau?"

Một cách giải thích: "Vì Luận Đối Pháp kia y theo chung mà nói, nên nói phẫn v.v... đều là giả. Luận này vì y theo ở sự thật để luận, nên bốn pháp này đều là thật. Lại, giả có nhiều đầu mối: hoặc không có tự thể, gọi là giả, như sự phẫn nộ v.v..., sự thành tựu có thể dùng tự thể riêng, từ hạt giống sinh, phải nương tựa nhau. Pháp tham, sân khởi, gọi là giả, như vô tàm v.v... này."

Luận Đôi pháp kia vì y theo vào nhau mà khởi, nên ở môn giả, còn luận này y theo ở nghĩa hạt giống có riêng, do đó, điều này nên vặn hỏi: "Nói là Vô tàm, quý là hai, tất cả tâm bất thiện có chút phước có thể thế, bất tín v.v... cũng trái ngược trong thiện đến, vậy sao bất tín, lười biếng lại là thật? Há vì trái với trong thiện đến là thật hay sao? Đến trong biệt cảnh v.v... kia vì sao chẳng phải thật?"

Nghĩa là: "Như thế các pháp như biệt cảnh kia v.v... có cả ba tánh. Trong đây dù có tùy phiền não như bất thiện nhiễm ô, nhưng vẫn là tánh bất thiện trong biệt cảnh v.v.... Tín trong thiện này của người kia là tín bất chính trong tùy "hoặc". Tinh tấn trong thiện biếng nhác của tùy "hoặc". Vậy cái gì là một phần? Cho nên biết trái với thiện đến (có), đều là có thật? Như vậy thì buông lung làm sao giải thích?"

Nghĩa là: "không buông lung trong thiện căn bản hãy còn là giả, huống chi buông lung trong bất thiện?"

Năm môn sau đây, so sánh nói, trong văn không luận đến.

Dưới đây là thứ ba, sẽ dùng chín môn để phân biệt về bốn uẩn vô ký:

Y, xứ có bốn v.v... Pháp sư Cảnh nói: "Nghiệp đã dẫn sinh, nghĩa là Dị thục sinh này dựa vào nghiệp "năng dẫn".

Sinh xong nếu đi, đứng: là oai nghi lộ. Đại khái nêu đi và ở trong bốn oai nghi. Cũng có thể ra ngoài Già-lam, cầu xin áo cơm, có bốn oai nghi, gọi là chung là hành (đi). Quay trở lại đến chỗ cũ, có bốn oai nghi, gọi là chung là trụ (ở).

Nếu nuôi thân mạng là xứ công xảo. Nếu Tam-ma-địa, nghĩa là từ định khởi giáo hóa. Pháp sư Khuy Cơ nói: "Có tâm Dị thục sinh có cả ba tánh, chẳng phải thuộc về trong ba tánh này mà chỉ thuộc về trong Dị thục, thì có cả ba tánh, năm uẩn, vì đều sinh ra từ pháp Dị thục Lại-da. Nếu công xảo, oai nghi thuộc về gia hạnh trung dung thì được là vô ký. Nếu tích cực tu tập, tức là thiện. Nếu do tâm ác khởi, là bất thiện. Vì biến hóa thuộc về gia hạnh đùa giỡn, nên là vô ký. Vì mục đích lợi người mà khởi biến hóa là thiện."

Pháp sư Khuy Cơ nói: "Y theo bốn nghĩa thật đều có cả ba tánh. Nay y theo báo chung để luận, nên nói rằng: "uẩn Dị thục sinh". Ba thứ dưới đây đều có tướng mạo, vì phân biệt khác, nên nói rằng: "Nếu nói trung dung v.v... " là phân biệt.

Trong tương ưng. Pháp sư Cảnh nói: "Những việc bằng thủ công khéo léo như đan trướng mỏng, quay tơ, dệt vải trong oai nghi gia hạnh, đây gọi là oai nghi trong một thân nghiệp, cũng gọi là công xảo.

Một sát-na Tâm, cũng là nghĩa có đủ hai thứ. Pháp sư Khuy Cơ nói: "Như giả thật dưới đây nói rằng: "Các tâm vô ký được lập bày "có" ở trên tâm Dị thục sinh, vì sao ba vô ký này không nói là tương ưng với tâm Dị thục ư?"

Về nghĩa "có" trong đây, nếu oai nghi, công xảo, nhất tâm, phát hai cảnh, nếu tâm Dị thục v.v... đặt ra ba vô ký thì không như thế, cho nên không trái.

Trong giả, thật. Ngài Tam Tạng nói: "Bốn thứ vô ký, nếu vì cứ theo đối đãi danh ngôn, nên gọi là giả có, đều là giả có. Theo đối đãi với danh ngôn, đều gọi là thật có. Nay, lại y theo ở môn đối đãi danh ngôn, nên nói là giả có."

Pháp sư Cảnh nói: "Nhân là thiện ác; quả là vô ký. Nhân khác mà thục, gọi là Dị thục. Đây gọi là thật có. Dù nghiệp báo đáp khởi, nhưng chẳng phải nối tiếp nhau, vì có đối tượng phân biệt, nên gọi là Dị thục sinh, tức gọi là cái có của thế tục, nghĩa là giả lập nghĩa Dị thục sinh trong bốn uẩn Dị thục, gọi là có thế tục. Ngoại trừ Dị thục, đối với gia hạnh khác, đã sinh ra biến hóa; công xảo và oai nghi được giả lập trong uẩn do gia hạnh sinh, gọi là thế tục hữu, không bỏ ba vô ký. Trong bản thức đều cùng có một loại hạt giống danh ngôn của bốn uẩn vô ký gia hạnh. Từ hạt giống này lúc sinh hiện hành bốn uẩn kia, tùy việc làm của bốn uẩn đó, tức giả kiến lập, được gọi là tên oai nghi và công xảo v.v..., gọi là thế tục hữu. Cho nên ở đoạn văn trước chỉ ghi nhận chung một phần hạt giống vô ký được gọi là hạt giống thành tựu, không nói là có riêng hạt giống oai nghi, công xảo v.v...."

Kế là, nói về tự tại thành tựu "Nói là hạt giống thiện phương tiện, lại nói chung và một phần hạt giống vô ký gia hạnh, gọi là tự tại thành tựu, trong đó, đều có tự thể riêng của vật thật. Lại, nói rằng tâm của bốn vô ký đều giả đặt ra ở trên cảnh biến hành, phải biết tất cả đều là thế tục hữu."

Pháp sư Thái nói: "Bốn uẩn Lại-da và uẩn tương ưng là Dị thục, nên nói rằng: "Các uẩn thuộc về Dị thục". Ba pháp oai nghi, công xảo

và biến hóa là tâm phương tiện nên nói là gia hạnh. Ba tâm gia hạnh được giả đặt ra trên Dị thục sinh, nên là giả có. Sắc của bốn uẩn kia ở trên bốn trần của Dị thục mà giả đặt ra, nên cũng là giả có."

Pháp sư Khuy Cơ nói: "Các uẩn thuộc về Dị thục, nghĩa là pháp tâm, tâm sở v.v... đồng thời, tức như số v.v... đồng thời của thức thứ tám và trong gia hạnh khác nhau của tâm mà giả đặt ra, nghĩa là tâm Dị thục trụ ở pháp vận chuyển sinh, chẳng phải gia hạnh riêng. Nếu ba tâm gia hạnh vô ký phát thì nói là gia hạnh tâm. Vì quả đặt trên tâm Dị thục sinh, cho nên là giả có."

Hỏi: "Nếu vậy, tức tâm vô ký chẳng phải cái có của Thể có riêng. Tâm Dị thục sinh là nhậm vận tâm này cũng là vô ký, vừa là gia hạnh, sao giả đặt ra ở trên ư?

Đáp: "Vì là một loại hạt giống của danh ngôn, ngoài hạt giống danh ngôn của ba Dị thục khác, ba tâm vô ký khác không có hạt giống sinh riêng. Bốn trần như oai nghi v.v... kia vì giả đặt ra trên năm trần của Dị thục, nên nói là giả".

Hỏi: "Lại, trong thân nghiệp có hương v.v..., chẳng phải là thể của thân nghiệp. Vì lẽ gi có bốn trần trong oai nghi v.v... đều là thể của thân nghiệp kia ư?"

Nghĩa là: "Nếu thân đều hữu biểu, thì chỉ sắc có thể đúng. Các vô biểu như hương v.v..., biểu thị sắc chẳng phải tướng sáng suốt, vì hương v.v... tối tăm, nên không phải trong giới oai nghi kia đều là tâm dẫn sinh, chẳng phải như thân nghiệp đều có hương v.v..., chẳng phải là tâm dẫn sinh, không được so sánh."

Luận sư Trắc nói: "Tất cả vô ký đều là Dị thục sinh. Cho nên, Dị thục được gọi là vật thật có. Ba vô ký khác ở trên Dị thục, tùy nghĩa giả nói, nên gọi là giả có. Trong ba phẩm:

1/ Y theo chung bốn thừ vô ký kia, để nói về ba phẩm.

2/ Y theo riêng trong bốn vô ký, mỗi vô ký đều có ba phẩm. Pháp sư Cảnh nói: "Văn này chính là đoạn y theo ở nghĩa khác nhau để nói về ba phẩm. Lại, biết rằng Lại-da ba cõi có thô, tế, dựa vào mười hai sự trong môn sự như Địa, văn, tư, ở đoạn cuối quyển mười lăm đã nói, trong khác nhau rằng: "Nếu vì mười hai việc khác nhau của xứ công xảo v.v..., tức mười hai trong môn sự trên. Mười hai sự ấy nói: Công nghiệp, minh xứ có mười hai xứ công nghiệp (lĩnh vực công nghiệp), nghĩa là kinh doanh nông nghiệp, công nghiệp, thương hộ công nghiệp v.v...."

Tám thứ biến hóa: Pháp sư Cảnh nói: "Phàm phu là một, Thanh

văn, Độc giác hợp làm một; Bồ-tát là một và đức Như lai là một. Bốn người như thế vì đùa giỡn. Nên khởi biến hóa của thân ngữ. Lại, vì mục đích lợi người, nên khởi thân ngữ biến hóa, nên thành tám thứ."

Pháp sư Thái nói: "1- Phàm phu; 2- Thanh văn; 3- Độc giác; 4- Bồ-tát Như lai, mỗi vị đều có sự đùa bỡn vì lợi cho người cho nên có tám".

Pháp sư Khuy Cơ nói: "Tức kết hợp Độc giác, Thanh văn làm một; hoặc có thể kết hợp Bồ-tát với Phật làm một".

Trong bốn đều có hai. Nghĩa là như luận nói: "Vì đùa bỡn, vì người khác nên làm. Dù có thiện, vô ký không đồng, nhưng vì đều là biến hóa, nên thành tám thứ. Lại, biến hóa không là tâm, do chẳng phải người khác có thể làm, chỉ thân, ngữ có thể biến hóa. Bốn người này đều có biến hóa thân, ngữ nên chia làm tám."

Nếu theo giải thích đầu thì làm sao phàm phu vì gốc thiện biến hóa, nên tâm biến hóa thiện? Nếu theo như cách giải thích sau, thì luận nói rằng: "Vì đùa bỡn, vì lợi ích cho người", với ý muốn phân biệt thiện, vô ký, nên chia làm tám. Do đó không được lấy cách giải thích sau làm hơn. Như giải thích trước, phàm phu vì tâm biến hóa thiện, thì đâu có trở ngại khó khăn gì? Theo giải thích trước thuận với văn là hơn.

"Nếu vậy, vì sao đức Như lai có tâm vô ký? Nên biết cách giải thích sau nói thân, ngữ là vượt hơn, bởi việc đùa bỡn vì lợi ích cho người, thì không nên phân biệt bất thiện, vô ký, chỉ nên nói "Do lợi ích cho người v.v... nên đều có thân, ngữ."

Thân ngữ là hai, lại chia thành tám, nghĩa là Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát, mỗi vị đều có hai: là vô ký và thiện. Đức Như lai chỉ có thiện; phàm phu, vô ký, nên có tám".

Luận sư Trắc nói: "Bốn người tức là bốn thứ: Dạo chơi, lợi người, thân, ngữ làm bốn hỏi đáp."

"Nếu vậy, lợi người vì sao gọi là vô ký?"

Giải thích: "Môn sai khác này vì nói rộng về chủng loại, nên ba tánh thô, nói là do sự khác nhau này, tức vì thuộc về sự khác, nên không phân biệt. Pháp sư Cảnh nói: "Dạo chơi, vì người khác, khởi biến hóa vô lượng, nên không thể mỗi việc đều nói rộng về các tướng mạo ấy, chỉ nêu lân tám thứ, tức bao gồm sự khác, nên không nói riêng."

Pháp sư Thái nói: "Do biến hóa khác nhau, tức thuộc về sự nghiệp vị tha của Đức Như lai, nên không nói riêng.

Lại, Dị thục sinh hoàn toàn vô ký, nghĩa là y theo ở nhân, quả nhậm vận mà đáp.

Hai, ba có thể được, nghĩa là oai nghi, công xảo có cả ba tánh.

Một có hai thứ. Nghĩa là biến hóa chỉ có thiện, và vô ký."

Luận sư Trắc nói: "Theo văn này, Dị thục có ba:

1- Dị thục tức thức Lại-da.

2- Dị thục sinh tức là nghiệp thiện, ác đã chiêu cảm sáu thức.

3- Từ Dị thục sinh có cả ba tánh, tức đoạn văn trước nói rằng: "Cac uẩn thuộc về Dị thục và vì trong khác nhau của tâm gia hạnh mà đặt ra, nên tất cả đều giả có.

Kế là phân biệt oai nghi, công xảo là thiện và biến hóa nhiễm là thiện, chứ chẳng phải lý do tại sao nhiễm? Không bàn đến vô ký, vì trước đây đã nói. Sinh đắc biến hóa chung cho ba tánh. Nay vị quả của công định, nên nói hai tánh, không nói hai môn sau trong chín môn vì pháp vô ký chẳng phải pháp thiện, nên không gọi là đức, vì chẳng phải là pháp nhiễm, nên cũng không gọi là mất, cũng không phải là chủ thể trị, đối tượng trị.

Trên đây, trong uẩn thiện xảo có ba:

1- Dùng sáu môn để phân biệt.

2- Lấy hai môn danh, sắc để phân biệt hai đoạn văn xong.

Dưới đây là thứ ba. Về sau, sẽ dùng các môn để nói rộng trong năm uẩn, trong đó có năm:

1- Đem Đế lý đối chiếu với uẩn, có cả thiện, ác.

2- Y theo bất tương ưng hành để nói về phần vị uẩn.

3- Dùng các môn nhằm phân biệt năm uẩn.

4- Giải thích nghĩa uẩn và tương ưng.

5- Phá chấp của người ngoài.

Trong phần trước có ba:

1- Nói về đế lý, thuộc về tướng uẩn.

2- Nhân lời nói, mà biện minh rộng nghĩa bốn đế.

3- Phá tà, nói chánh.

Trong phần đầu, diệt đế tạo ra sự so lường riêng, chung của uẩn, vì không tương ưng, như Tỳ-bà-sa nói.

Kế là nói về đoạn văn bốn đế, chia làm sáu:

1- Nói mười sáu hạnh.

2- Nói thứ lớp Đế.

3- Nói về nghĩa Đế.

4- Y theo bôn Đế, để phân biệt hai đế.

5- Nói về biết đoạn, chứng, tu.

6- Nói về quán đế hiện.

Trong phần đầu có ba:

1- Nói về mười sáu hạnh.

2- Nói về mười hạnh.

3- Nói về ba minh. Mười sáu hạnh, thuộc về ba môn giải thoát.

Trong phần trước, "duyên" bốn Đế kia, mỗi đế đều có bốn hạnh. Bốn công hạnh khổ đế vì đối trị bốn điên đảo v.v.... Pháp sư Cảnh nói: "Đầu tiên, một hạnh chữa trị một đảo đầu, nghĩa là vô thường trị đảo thường. Kế là một hạnh chữa trị hai đảo kế, nghĩa là hạnh khổ trị đảo vui. Đã biết là khổ, tức biết bất tịnh, cũng là đảo tịnh khác. Hai công hạnh sau đối trị một đảo sau, là hạnh "không vô ngã", đồng đối trị ngã điên đảo."

Pháp sư Khuy Cơ nói: "Một hạnh đầu đối trị một đảo đầu, nghĩa là khổ trừ vui. Vô thường đối trị hai, nghĩa là chấp thân tịnh và tâm thường.

Hai hạnh sau đối trị một, nghĩa là hạnh không vô ngã đối trị chấp ngã. Lại, một hạnh đầu vô thường đối trị tâm thường; khổ đối trị thân lạc, tịnh và lạc đảo. Ngoài ra đồng với trên."

Bốn đảo này và bốn đảo trong quyển trước, theo thứ lớp phân biệt:

"Vì sao khổ hạnh đối trị với hai ư? Vì kiến, giới thủ, ngoại đạo chấp là nhân tịnh vượt hơn, nên đối với đó khởi tham. Thư ở tám trước với đây cả hai đều tham, vì dứt trừ tham này, nên kết hợp thành một khổ hanh, trừ lạc, tịnh, tức hai thủ: Kiến, giơi. Nhóm họp bốn hạnh dưới, do có bốn ái nên bình đẳng. Pháp sư Cảnh nói: "Bốn ái là thể của tập đế vì dựa vào bốn ái, thể của tập đế này, nên nhóm họp bốn hạnh, nhân tụ hợp sinh ra duyên. Không được nói nhân hạnh thực hành quán ái nào đó, cho nên "duyên" hạnh quán ái nào đó v.v..., vì bốn ái kia, mỗi thứ ái đều có lý nhân tu tập sinh duyên bốn thứ."

Hỏi: "Đoạn văn của Bản địa phần nói về thể của ba trái ngược (đảo): "Tâm, tưởng và kiến, hai thứ kiến chung đều có bốn đảo. Tâm đảo là ái chỉ có lạc, tịnh." Nay, văn luận này nói: "Do sự khac biệt của ái thường, lạc, ngã, tịnh, nên kiến lập sai khác, là tức tâm đảo có cả ngã thường, sao lại nói là chỉ lạc, tịnh ư?"

1- Do ái làm duyên lập nên ái của hữu sau v.v..., nghĩa là do ái "thường" kia làm duyên cho quả báo vị lại của ái, lập nên ái của hữu (thân) sau.

2- Do ái "lạc" làm duyên cho cảnh đã được ở hiện tại, đắm mê không bỏ, kiến lập hỷ, tham đều hiện hành ái.

3- Do ái "tịnh" làm duyên, đối với cảnh chưa được, thấy là tịnh, đeo đuổi, mong cầu, nên lập sự hy vọng ái "lạc" kia.

4- Do "ngã ái" sau cùng làm duyên kiến lập ái riêng. Ba ái còn lại, đều có tên khác, nghĩa là ái, hỷ, tham của thân sau đều hiện hành ái của hỷ, lạc kia, chỉ có ái này, trực tiếp gọi là riêng ái, nên gọi là "Độc ái".

Phải biết rằng ái này theo đuổi tự thể, nghĩa là khuyên ta nên biết "ngã ái" vì thường tiêm nhiễm hiện thân, nên nói rằng: "Theo đuổi tự thể".

Lại sao nói là ái thường giữ gìn, tự thể? Vì đây là nói về ái riêng. Ái biểu hiện ở thân mình mà khởi theo đuổi, gìn giữ hiện thân.

Tóm lại, ái của hữu sau, tìm kiếm tự thể đương lai. Hai ái còn lại, chấp mắc năm trần hiện tại, vị lai.

Pháp sư Thái nói: "Ngã ái" được lập riêng làm thể ái, nên gọi là "Độc ái".

Trong phần nói về mười hạnh, văn được chia làm bốn;

1- Nêu chung mười hạnh. Giải thích sơ lược về hai hạnh kia.

2- Dùng mười hạnh và ba khổ thuộc về nhau.

3- Nói về tám khổ với ba khổ thuộc về nhau.

4- nói bốn khổ với tám hạnh thuộc về nhau.

Đầu tiên, nói rằng: "Như địa Thanh văn đã ghi nhận mười hành tướng như hư hoại v.v.... Pháp sư Cảnh chép: " Như quyển ba mươi bốn nói: "Dùng mười hạnh kia thuộc về bốn hạnh khổ ở dưới. Lại nữa, dùng tướng khổ đế trong bốn hạnh, nghĩa là thuộc năm hạnh vô thường.

1- Hạnh Đổi khác

2- Hạnh diệt, hoại.

3- Hạnh chia lìa.

4- Hạnh pháp tánh.

5- Hạnh hội hợp.

- Khổ hạnh thuộc ba hạnh:

1- Hạnh kiết ràng buộc.

2- Hạnh không đáng ưa thích.

3- Hạnh không yên ổn.

"Không hạnh" thuộc về một hạnh, nghĩa là hạnh "Vô sở đắc"(không có cái được). "Hạnh Vô ngã", thuộc về một hạnh, nghĩa là hạnh không tự tại.

Nay, đoạn văn này nói hạnh vô sở đắc là sao? "Nghĩa là nêu một hạnh kia để nói về hạnh vô sở đắc, nhằm làm sáng tỏ "không hạnh";

nghĩa là chỉ có căn, chỉ có cảnh giới; chỉ có sắc uẩn; chỉ có thọ do kia sinh, nghĩa là chỉ có căn sinh ra thọ uẩn; chỉ có thọ uẩn kia sinh ra tâm; nghĩa là chỉ có căn, trần mới sinh ra thức uẩn. Chỉ có chấp ngã, tưởng của ngã, nghĩa là chỉ tưởng uẩn chấp ngã, ngã sở (cái ngã có); chỉ có chấp ngã, ngã kiến; chỉ có hành uẩn, chủ thể chấp ngã kiến; chỉ có ngã, ngôn thuyết hí luận của ngã; chỉ có chấp giả dối; khởi ngôn thuyết hí luận của ngã ".

Kế là, nêu hạnh không tự tại, thuộc về hạnh vô ngã v.v... Pháp sư Khuy Cơ nói: " Chỉ có chấp ngã, tưởng ngã và trường hợp thứ bảy, tưởng uẩn của ngôn thuyết hí luận. Do lúc tưởng khởi chấp giả dối ngã, rất có thể chấp lấy giả dối của cảnh tượng.

2- là nêu hạnh ràng buộc hạnh không đáng yêu; và hạnh không yên ổn đầu thuộc về hạnh khổ. Do hành tướng của trói buộc và biến đổi, hư hoại tăng thượng mà khởi lo rầu, phải biết là tánh chất của khổ hoại, nghĩa là "duyên" đối tượng hư hoại, nẩy sinh đau khổ, tất nhiên do ràng buộc. Nếu người lìa dục thì nỗi lo buồn sẽ dứt ngay."

Người ngoài nói: "Tức lạc thọ hư hoại, gọi là khổ hoại, thì cần gì phải lấy hạnh kiết ràng buộc để thành khổ hoại. Nay, vì chẳng phải chấp này, nên nói rằng: "Chẳng phải chỉ đổi thay hư hoại v.v... ", nghĩa là người chứng quả Bất Hoàn lìa dục, xả lo âu, dù gặp phải niềm vui hư hoại, vẫn không cảm thấy lo lắng sầu não. Do có ràng buộc, ràng buộc "duyên" hư hoại, sinh lo nghĩ gọi là khổ hoại. Nếu các hành cõi Sắc, thì tức hư hoại là khổ, gọi là khổ hoại, vì cõi ấy không duyên hư hoại, lo rầu gọi là nghĩa khổ hoại.

Do hạnh không đáng yêu thuộc về khổ khổ. Nghĩa là khổ thọ tức là dụng, thể của khổ là tự tướng, nên nói là khổ khổ, kể cả chủ thể sinh ra căn, cảnh của ái này và pháp tương ưng. Vì thuận theo khổ thọ, nên gọi là tánh khổ khổ. Nói hạnh không đáng yêu ở đây, nghĩa là lấy chung giúp đỡ tương ưng với khổ thọ gọi là khổ khổ.

Do hạnh không yên ổn thuộc về khổ hành, nghĩa là khổ thọ của thức A-lại-da và thuận với pháp ái này là thể của hạnh kia. Do mang theo Niết-bàn thô nặng và hai khổ thô nặng. Trước sau theo đuổi hạnh không yên ổn, đó là khổ, gọi là hành khổ. Pháp sư Khuy Cơ nói: "Rằng lạc thọ chẳng phải chỉ khi đổi thay, hư hoại mới gọi là khổ, mà chính lạc thọ biến chuyển hư hoại và đã sinh ái là khổ hoại, nên người từ quả thứ ba trở lên, đã lìa ái, dù có phải gặp phải cảnh đổi thay hư hoại kia, vẫn không bị tổn hoại, vì họ không có ưu tư. cho nên biết được khổ hoại có cả hai thứ: 1/ Tự tánh của lạc thọ; 2/ Khi niềm vui đổi thay, hư hoại

là đại ý trong đây."

Luận sư Trắc nói: "Như kinh Di Giáo nói: "Nay, trong chúng này, nếu ai chưa vượt qua biển khổ, thấy Phật diệt độ, sẽ có phi diệt. Người đã vượt qua biển khổ, hãy nghĩ rằng: "Đức Thế tôn diệt độ sao nhanh chóng như thế!"

Do đây chứng biết người có phiền não thì có khổ hoại.

3- Nói tám khổ thuộc về ba khổ, lại nữa, bảy khổ đầu, thuộc về khổ khổ, nghĩa là khi ái biệt ly, cầu bất đắc, cũng sinh khổ khổ, nên bảy khổ trước đều thuộc về khổ khổ. Người kia không siêng năng trị phiền não, tịnh diệu, với tâm tham lấy tịnh, nhiễm đồng thời để cho chúng đổi thay, hư hoại, biến hoại là khổ, gọi là khổ hoại. Lại do tâm tham, làm đổi thay hư hoại, khiến cho thọ khổ, gọi là khổ hoại. Sau cùng, một hành khổ thuộc về khổ. Nghĩa là thủ uẩn là hành, hành mang theo sự thô nặng, không yên ổn. Lại, bảy khổ trước nhập chung thứ tám, thuộc về thủ uẩn, nên bảy khổ trước cũng gọi là khổ hành. Dưới đây sẽ dẫn kinh làm chứng, có hai trường hợp:

1- Nhập tâm biến đổi hư hoại. Nghĩa là Đức Phật thấy rằng chúng sinh nếu khi khởi tham, liền nói với người đó nhập tâm biến đổi, hư hoại, thì sẽ thành phiền não tịnh diệu, thuộc về khổ hoại.

2- "Lại, nói rằng v.v... " trở xuống, là chứng minh người chưa lìa dục, gặp phải việc biến đổi, hư hoại, liền sinh lo buồn, nên biết phiền não thành sự khổ.

4- Trong phần nói về bốn khổ thuộc về tám hành. Pháp sư Cảnh nói: "Nói tám là tám hành, với tám hành này đã nếu là thuộc về bốn khổ gồm:

1- Hành, khổ ban đầu xoay vần thuộc nhau, nghĩa là sinh khổ đầu trong tám khổ, với thể của sinh khổ trong bốn, vì không có rộng hẹp, nên được nhiếp nhau.

2- Có ba hành thuộc về khổ thứ hai, nghĩa là ba hành: già, bệnh, chết thuộc về "duyên' khổ nội tại này.

3- Có ba hành thuộc về khổ thứ ba, nghĩa là ba hành: oán ghét gặp nhau; yêu nhau phải chia lìa; mong cầu không được, thuộc về "duyên" khởi bên ngoài.

4- Sau cùng, hành của năm thủ uẩn thuộc về khổ thô nặng thứ tư. Pháp sư Thái nói: "Tám khổ sinh diệt, tức gọi là tám hành. Nói "Ở trước nói bốn hành của tập đế, sẽ được sinh quả hôm nay vì bốn khổ khác nhau. Pháp sư Cảnh nói: "Tìm kiếm ái của "hữu" sau, sinh ra khổ này. Ái riêng (độc ái) sinh ra khổ bên trong của duyên này. Hỷ tham đều

hiện hành ái (câu hành ái) mong cầu ái của hỷ, tham kia, sinh ra khổ ngoài của duyên này. Bốn ái chung, riêng, sinh ra khổ thô nặng."

Pháp sư Khuy Cơ nói: "Hiện đời này chẳng phải một đời riêng. Lại lo nghĩ về cai già đang ẩn náu, nên nêu sự sinh hơi khó."

Nói về mười sáu hạnh, thuộc về ba môn giải thoát: Trước nói về thuộc về nhau. Sau hỏi đáp, nói về thứ lớp.

Đầu tiên nói rằng: "Mười sáu hạnh này có bao nhiêu là "không hạnh" v.v..., nghĩa là thuộc tám môn, như quyển mười hai chép. Dưới đây là hỏi đáp, giải thích ý hỏi:

"Kiến đạo trở xuống trước phải quán vô thường. Vô thường là môn vô nguyện. Về sau nhập kiến đạo, trụ tướng vô ngã là môn "không". Trong môn giải thoát, trước nêu môn không, sao không nêu a môn vô nguyện ư?" Đại ý đáp: "Kiến đạo trở xuống, mới tu phương tiện, trước khởi tam-muội: Vô thường và khổ, Vô nguyện; sau tu tam-muội Vô ngã, không. Thể tức dựa vào không có đoạn mà tu "không". Lại, từ vô ngã, khởi hạnh vô thường, tức dựa vào "không" mà tu vô nguyện. "Vô nguyện" và "không", trước sau xoay vần lại tu lẫn nhau.

Trong mười sáu hạnh ở trước, trước là nói "không", nghĩa là y theo đã tu, được hạnh không vô ngã. Kế là khởi khổ, vô thường v.v..., nên trước nói "không", sau nói "vô nguyện".

Dưới đây, là thứ hai, sẽ nói về thứ lớp của đế. Có hai lần "lại nữa":

1- Trong lần "lại nữa" đầu trước pháp, sau dụ, nói là do đây nên khổ này rất là sơ đẳng, nghĩa là do ép ngặt nên khổ, khổ đế là ban đầu. Như vì tập đế nên khổ. Do có nhân, mới có quả; do chứng diệt, nên vui. Như vì diệt vui, nên Đạo.

2- Trong lần "lại nữa" sau y theo dụ để nói về pháp, tức là thứ lớp tu hành.

3- Trong phần nói về nghĩa đế. Pháp sư Cảnh nói: "Nói như nghĩa không bỏ lìa của tướng đã nói, nghĩa là thật sự khổ không thể làm cho vui, cho đến đạo diệt khổ, thật sự là chân đạo. Đây là y theo ở nghĩa thật, gọi là đế, tức là nghĩa Xả là nghĩa đế. Do quán này nên đạt đến nghĩa rốt ráo thanh tịnh là nghĩa đế, tức là chủ thể sinh giác không điên đảo, gọi là đế. Nói chủ thể thành tựu của ba đế, nghĩa là khả năng thành tựu của ba thứ nghĩa lợi: biết khổ, dứt tập, chứng diệt."

Luận sư Trắc nói: "Lại, đế có hai nghĩa:

1- Tất cả các pháp không bỏ nghĩa tự tánh, là nghĩa đế, nên kinh Di Giáo chép: "Đức Phật nói bốn đế không thể làm cho khác.

2- Nghĩa khả năng sinh trí thanh tịnh.

Thứ tư, là y theo ở bốn đế, phân biệt thành hai đế, là ý nghĩa trong đây. Hai đế diệt, đạo kia, cho đến hai đế khổ, tập thắng nghĩa.

Do ba thọ của tướng chung kia, đều là khổ hành, vì một vị khổ, nên là thắng nghĩa đế. Nếu nói cách khác, thì khổ thọ là chẳng phải tập v.v... khac, tức là do sự khác nhau của tự tánh, nên gọi là thế tục đế. Thế tục đế, như quyển bảy mươi bốn nói, có bốn thứ:

1- Thế tục đế là đế của thế tục, như nói: Giường, ghế ngồi, đoàn quân, khu rừng, bình, gọi là việc đời."

2- Thế tục đạo lý, nghĩa là đạo lý thế tục: uẩn, giới, xứ v.v....

3- Thế tục chứng đắc, là bốn quả Sa-môn.

4- Thế tục thắng nghĩa, nghĩa là nói: "Nhân vô ngã, như, đẳng." Nay, trong đây, y theo vào thế tục đạo lý là thế tục đế, vì tự tánh khác nhau. Do tiêu chuẩn này, biết được thắng nghĩa đế của phương Tây cũng có bốn:

1/ Đạo lý thắng nghĩa đế, nghĩa là đạo lý của uẩn v.v... chẳng phải chân như.

2/ Thắng nghĩa chứng đắc, nghĩa là bốn quả Samôn.

3/ Thắng nghĩa của thắng nghĩa. Nghĩa là nhập một vị chân như của chân quán.

4/ Thắng nghĩa của thế tục, nghĩa là quán tất cả là hành tướng khổ. Trong đây, y theo thắng nghĩa của thế tục nói là thắng nghĩa. Theo Tỳ-Ba-Sa nói: "Bốn đế đều có nghĩa của hai đế, như nói: "Người, Trời, Nam. Nữ v.v... là khổ đế của thế tục v.v.... Khổ, Vô thường; Không, Vô ngã là Thắng nghĩa đế". Như nói: "Cha, Mẹ, Chủ thể sinh dưỡng v.v..., là tập đế của thế tục. Nhân tập sinh "duyên" là Thắng nghĩa đế, như nói: "Như ngôi thành; như khu vườn, chỗ du lịch, tham quan", gọi là diệt đế của thế tục. Diệt, tịnh, diệu, ly là thắng nghĩa đế, như nói: "Như ngôi thành bằng đá, như hoa, như nước là đạo đế của đạo thế tục. Gia hạnh xuất là thắng nghĩa đế thế tục mà Luận Tỳ-Bà-Sa nói, tức phù hợp với thế tục của môn đầu trong luận này. Thắng nghĩa tức thích hợp với thắng nghĩa thứ hai trong đây.

Trong phần nói về biết, đoạn và chứng tu, đã biết khắp khổ thì biết khắp về tập v.v.... Pháp sư Cảnh nói: "Hạt giống nghiệp phiền não lại không có tự thể riêng, tức là thuộc về khổ đế củA-lại-da, nên biết khắp Khổ thì biết khắp Tập."

Luận sư Trắc nói: "Nay, dựa vào hai đế Khổ, Tập của văn này, một phần nghĩa của Thể lai đồng với giải thích của Tát Bà Da. Nay nói

rằng Tập, tất nhiên là khổ, chưa hẳn phải có Tập, vì tập phải là khổ, nên nói: "Đã biết khắp khổ, tức biết khắp Tập, do Khổ đế tập đế kia."

Trước nói về hiện quán đế, đầu tiên là hỏi đáp chung để nói về Thể và làm rõ số, sau, giải thích riêng.

Trong phần đầu, Pháp sư Khuy Cơ nói: "Theo Ngài Tam Tạng nói: "Trí tuệ quyết định trong các đế, nghĩa là hiện quán Tư. Và nhân của Tư ấy là Tín trở xuống của kiến đạo hữu lậu. Tương ưng với Tín kia là Tín vô lậu. Nhân cộng hữu của Tín vô lậu kia, nghĩa là hiện quán về giới. Nếu áp dụng theo giải thích này, thì sẽ thuộc về hiện quán không hết. Lại theo văn trong đây và nhân của Tư kia, tức là đối với nhân đế để quyết định, há là không có nhân của Tín vô lậu ư? Nay, giải thích riêng: "Trí tuệ quyết định tức là đế trí và ba thứ: Biên, rốt ráo, hiện quán v.v..., đều "duyên" đế mà sinh. Và nhân của Tín vô lậu kia, tức là hiện quán Tư, là nhân của đế Trí." Nếu như Luận sư Thắng Quân, thì lấy đế trí này làm chánh nhân của khổ, pháp nhẫn." Bồ-tát Hộ Pháp, Hộ Nguyệt đồng hợp lại để giải thích, so sánh mà biết.

Tương ưng kia, nghĩa là khi quán Tín vô lậu vì đều là pháp tâm, tâm sở, nương tựa bình đẳng, nên gọi là tương ưng.

Y theo ở vô lậu vượt hơn, nghĩa là giấu tín hữu lậu mà không nói.

Pháp cộng hữu: tức hiện quán về giới. Ở đây chỉ gọi là nhân cộng hữu kia. Nếu vậy, vì sao trước nói Đế trí v.v... ư?

Trong đây, đầu tiên, là hỏi hiện quán đế có bao nhiêu? Nay chính thức đáp:

"Duyên" hiện quán về đế, nghĩa là Đế trí và Biện rốt ráo v.v..., pháp còn lại chẳng phải chánh hiện quán. Nếu vì là nhân của hiện quán Tư, nên gọi là hiện quán, thì Tín sẽ từ tương ưng được gọi là hiện quán. Vì vậy nay không theo thứ tự, vượt thứ tự mà đáp, bởi đầu tiên, chính thức phát ra thể của hiện quán, như chỗ khác nói. Trước là nói về Tư, Tín v.v..., nghĩa là vì giới hạn của địa vị này nên không đồng. Sáu hiện quán trong đây, như đoạn văn dưới đây tự nói rộng. Pháp sư Cảnh nói: "Hiện quán biên ở đây và biên kiến đạo, tu thể của thế tục trí thì không được, bởi vì tương kiến đạo tu Thể của Trí là hữu lậu, địa vị tu mới khởi, như quyển mười sáu nói: "Văn, Tư, Tu trong địa phương tiện đã có hạt giống. Nay, ở kiến đạo tu, khiến cho thanh tịnh, gọi là được trí này mà không thể hiện ở trước, vì mười sáu tâm sát-na của kiến đạo đã không chấp nhận được khởi tâm thế gian. Tu trong địa vị sau, mới khởi ở trước. Nêu thể của hiện quán biện là vô lậu, thì trí Hậu đắc sẽ thuộc về (thuộc

về) địa vị ở kiến đạo, tức là thuyết kia nói mười sáu sát-na v.v... của kiến đạo."

Kế là là văn hiện quán thứ hai trong giải thích riêng. Pháp sư Cảnh nói: "Do đã quyết định với nghĩa thật, nghĩa là Tín tương ưng với Tu tuệ. Và trí tuệ quyết định do văn mà thành, nghĩa là Tín kia là nhập môn đầu tiên của Phật pháp. Văn tuệ là đứng ở đầu của ba tuệ. Lấy tín kàm hiện hành trung gian mà thành tuệ, gọi là hiện quán tín. Đây là dựa vào đều chuyển, phát ra thể quán của Tín. Pháp sư Khuy Cơ nói: "Nếu y theo ở sự thật, thì tín này có cả hữu lậu, vô lậu. Trong đây chỉ nói theo vô lậu vượt hơn. Vì sao dùng trí? Vì nói văn tuệ trong hữu lậu, nên trước là Tư tuệ, đầu tiên "duyên" giáo pháp, tất nhiên, trước là văn tuệ. Trong đây, ẩn giấu hữu lậu để luận về văn tuệ.

"Nếu vậy thì sao văn tuệ không được lập riêng ư?"

Nghĩa là: "Nếu y theo lúc đầu "duyên" thật đế, thì phải lấy Tín làm dẫn dắt hàng đầu, tức công dụng Tín sẽ gia tăng, nghĩa là do pháp phân biệt, lực chọn là vượt hơn, tức vì Tư tuệ vượt vượt hơn. Chỉ y theo Tín và tư văn tuệ, tức thuộc về Tín. Tu tuệ có cả hữu lậu. Vô lậu vượt hơn. Là thuộc về Đế trí v.v.... Hữu lậu như thế nào? Như văn tuệ nói vì dụng chẳng phải tăng, nên cũng thuộc về tín. Điều này chưa thấy đoạn văn nào đề cập. Văn tuệ thuộc về tín, câu văn này làm chứng, tức lấy hai pháp văn, Tín làm thể. Tuy nhiên, về nghĩa của Tín mới tăng, văn thì từ tín nói. Đế trí v.v... trong đây chỉ y theo Kiến đạo mới được soạn luận. Nhưng đoạn văn dưới đây nói: Cũng có đạo vượt hơn v.v..., cho đến địa vị vô học, được gọi tên chung là quán rốt ráo.

Trong hiện quán thứ ba nói: "Người không thực hành luật nghi, tức đạo cộng giới và định cộng giới. Do năng lực giới này, mà ở trong ba đường ác, được Phi Trạch diệt, rốt ráo bất sinh.

Trong hiện quán thứ tư, ban đầu, là hỏi, kế là, giải thích, sau là kết.

Trong phần giải thích trước, phát ra Thể quán; sau, phân biệt theo nghĩa.

Trong phần trước, Pháp sư Cảnh nói: "Rằng trong đạo gia hạnh, trước nhóm họp tư lương rất viên mãn, nghĩa là phương tiện xa này ở địa vị thuận giải thoát phần, gọi là Tư lương. Lại vì phương tiện khéo, nên tâm địa sáng suốt, nghĩa là quyết trạch phần học quán Bốn đế, dần dần trong sáng, nhạy bén, là phương tiện gần. Từ bờ mé thuận quyết Trạch phần của thế gian, gốc lành Vô gián v.v... trở xuống, là phát ra căn bản, nghĩa là từ Vô gián của pháp Thế đệ nhất, đầu tiên, nhập kiến

đạo, "duyên" "nhân không". Như pháp khởi trí vô phân biệt của phẩm hạ, gọi là pháp "duyên" tâm sinh, dứt trừ phẩm thượng thô nặng của "chấp nhân".

Kế là, quán "pháp không". Như pháp khởi Trí vô phân biệt phẩm trung, dứt trừ phẩm thượng thô nặng của "pháp chấp".

Song quan "hai không" v.v... Như pháp khởi trí vô phân biệt của phẩm thượng; dứt trừ phẩm hạ thô nặng của hai chấp.

Tuy nhiên giải thích về ba tâm này không nhất định.

1- Nói ba tâm là chân Kiến đạo trở xuống. Trước là đối với phương tiện thường tu tập ở trước, trước quán "nhân không" kế là quán pháp không, au quán cả hai không. Sau khi nhập kiến đạo, dù trí vô phân biệt do sức thường, tu tập nhậm vận am hiểu. Nhưng trước quán "nhân không" là dứt trừ phẩm thượng của "nhân chấp". Kế là. Quán "pháp không" là dứt trừ phẩm thượng của "pháp chấp". Sau, quán cả "hai không" là dứt trừ phẩm hạ của hai chấp.

2- Ba tâm chẳng phải chân kiến đạo, chỉ là định nhập quán phương tiện trước của kiến đạo. Về sau. Nhập Chân kiến đạo chỉ một tâm niệm dứt trừ ngay tất cả phiền não của hai chấp, gọi là Chân kiến đạo. Trong tâm Hậu Trí và quán đã chứng "hai không"; đã hiển bày chân như và đã dứt hai chấp, khởi ba tâm kia.

Về sau, gọi là Tướng, kiến đạo, giả thuyết Chân quán có ba tâm, nghĩa là chỉ y theo ở nghĩa của cảnh trí một vị để nói ba tâm. Dưới đây sẽ giải thích tên khác:

Chỉ, quán song tu, gọi là "song vận". Pháp sư Khuy Cơ thuật lại lời Ngài tam Tạng rằng: "Bứt trừ cái giả của hữu tình, nghĩa là thật hành trong đạo phương tiện này."

Pháp "duyên" tâm sinh, nghĩa là tâm của đạo Vô gián sinh ra từ nhân để luận, do đạo Vô gián không tác thành hữu tình rêing, vì giả quán v.v....

Luận sư Hải Tuệ ở chùa Na-Lạn-Đà giải thích: "Ba tâm này chẳng phải y tha kiến đạo của Bồ-tát, mà cũng là của Nhị thừa. Vì sao? Vì đầu tiên, quán riêng vô ngã trên pháp, nên thực hành quán hạnh vô ngã, gọi là bỏ đi cái giả của hữu tình."

Kế là, thực hiện "không hạnh", dứt trừ cái giả của ngã, pháp, bỏ đi ngã chấp, gọi là trừ khứ pháp giả thứ hai. Ngã giả thứ ba và thuộc về pháp của ngã. Quán lại phẩm hạ của ngã, ngã sở, vì "không" nên gọi là trừ bỏ khắp hai thứ giả. Nhưng nay, chỉ cho Đại thừa là hơn. Các Đại đức ở nước phương Tây giải thích văn luận này, tự có ba thuyết:

Giải thích thứ nhất, sơ tâm chính thức dứt trừ "nhân chấp" phẩm thượng. Kế là, tâm chánh dứt phẩm trong "pháp chấp". Đối với nhân, gọi là phẩm trung "Nhân chấp", gọi là phẩm thượng, so sánh với đây có thể hiểu, vì tâm sau dứt trừ hai phẩm tập khí trước, nên hai trước trong hai tâm, gọi là Vô gián đạo, một tâm sau, gọi là giải thoát đạo.

Giải thích thứ hai, hai chấp Nhân, Pháp, mỗi chấp đều có hai phẩm. Sơ tâm dứt trừ phẩm đầu của "nhân chấp"; tâm kế là, dứt trừ phẩm đầu của "Pháp chấp", và tâm sau dứt cả phẩm hai chấp của phẩm sau. Tuy nhiên vì nhân, pháp đối nhau, nên đầu tiên, gọi là phẩm thượng, kế là, gọi là phẩm trung, lại có tâm thứ tư, gọi là đạo giải thoát.

Giải thích thứ ba, kiến đạo có hai:

1- Chân Kiến đạo, chứng ngay "hai không"; dứt trừ ngay hai chướng.

2- Tướng kiến đạo, tức ba tâm, mười sáu tâm v.v... là trí Hậu đắc, chứng lại kiến đạo, đã dứt phiền não, giả gọi là dứt trừ. Trong đây Bồ-tát nhập vô tướng kiến đạo, kế là, phát ra ba tâm hàng Nhị thừa nhập kiến đạo, phát ra mười sáu tâm."

Tùy nghĩa phân biệt, trong đó có năm trường hợp:

1- Phải biết các tâm này chỉ "duyên" cảnh phi an lập đế, nghĩa là biết ba tâm kiến đạo dù còn y theo ở giải thích ngôn thuyết, "duyên" nhân giả và pháp v.v..., nhưng về lý, thật ra chỉ "duyên" cảnh phi an lập của chân như."

2- Hai tâm trước tương ưng với pháp trí; tâm thứ ba tương ưng với loại trí. Đối Pháp quyển chín nói: "Ba tâm đều là Pháp Trí nghĩa là vì đồng quán chân như của các pháp." Luận này dùng tâm thứ ba song quán hai không", đã làm sáng tỏ trí Chân Như là loại quán riêng của hai tâm trước, nên nói là Loại trí."

3- "Lại do thế lực của tâm này. Pháp sư Cảnh nói: "Do thế lực của tâm kiến đạo, chủ thể sinh tướng kiến đạo thứ hai. Quán khổ tám đế thượng hạ, đẳng trí sinh. tướng kiến đạo này, vì từ sau chân kiến đạo, xuất phát xong, tu khởi quán này, gọi là "hiện quán biên", "duyên" tướng an lập đế, được gọi là tướng kiến đạo."

Pháp sư Thái nói: "Vì sao thấy đầu số không đồng? Tức là người tu hành vì khởi riêng quán không đồng. Như Khế kinh nói: "Nê-hoàn là thứ báu chân thật. Chúng sinh dùng mỗi thứ môn để nhập."

Luận sư Trắc nói: "Do ba tâm, nên mười sáu tâm sinh, sắp biết một người khởi đủ ba tâm."

4- "Tức ba tâm trước và chủ thể giải thích phẩm chỉ quán, do

kiến dứt trừ phiền não, được vắng lặng, nghĩa là hiện chứng kiến, đoạn "hoặc", diệt vô vi."

5- "Khả năng chứng đắc, diệt hẳn tất cả phiền não và sở y sự, đạo xuất thế. Pháp sư Cảnh nói: "Do năng lực kiến đạo có thể dẫn đến Kim cương sau cùng, học đạo, diệt trừ hẳn tu hoặc. Tu hoặc đã hết, quả báo đương lai bất sinh, gọi là sự sở y, diệt pháp sinh tử, hết quả, thành tựu ngay là đạo xuất thế."

Pháp sư Cảnh nói: "Đây chỉ y theo Kiến đạo, tất cả hết, phi vô học.

Sự sở y, nghĩa là năm uẩn bị "hoặc" của kiến đạo đã chiêu cảm, hoặc đây là tâm Kim cương.

Trong hiện quán thứ năm, đầu tiên, là nói đúng về thể của hiện quán biên. Sau đối với hiện quán thứ tư, nói về sự khác nhau của hiện quán đó.

Trong phần trước, trước hỏi; kế là, giải thích; sau là kết.

Trong giải thích có bảy trường hợp:

1- trí đã được sau hiện quán này, gọi là trí hiện quán biên, đây là phát ra thể, nghĩa là từ biên sau chân quán, khởi tướng kiến đạo, gọi là hiện quán biên.

2- Nói là, phải biết rằng trí này v.v..., đây là nói về biết quán biên của quán phần vị. Từ chân tâm thứ ba sau Vô gián, mới thể hiện ở trước.

3- "Duyên" thế trí ở trước, đã từng quán sát v.v..., nghĩa là nói về môn duyên cảnh. Ở đây có hai thuyết:

1)"Duyên" kiến đạo, Noãn v.v... ở trước đã từng quán sát phiền não hai địa trên của Sắc, Vô Sắc, dưới cõi Dục, tức Khổ đế, Tập đế và hai nghĩa là cảnh an lập đế trên, tức diệt đế, đạo, đế, là hai tăng thượng."

2) Giải thích: "Vì "duyên" chân kiến đạo trước, nên gọi là đã từng quán sát để phát ra chân kiến đạo, "duyên" hai địa dưới, trên và trong hai địa đã có tăng thượng an lập cảnh của bốn đế. Do đây, nên biết thuận với nghĩa bạn vượt hơn. Người ấy nói rằng: "Hai tâm ở trước "duyên' chấp nhân, pháp của cõi dưới.

3) Tâm "duyên' chấp nhân pháp của hai cõi trên, nên gọi là "biên khiển". Vì tướng Kiến đạo này phát ra nên như vậy. Lại, Luận sư này giải thích: "Lúc dứt phẩm dưới của Nhân chấp, cũng dứt phẩm dưới của pháp chấp. Dứt phẩm trung của Pháp chấp, cũng dứt phẩm trung của Nhân chấp. Trong đây, vì ảnh lược, nên dùng nhân chấp làm phẩm hạ;

pháp chấp làm phẩm trung, chỉ cứ theo tâm chấp để luận, nên chỉ hoặc nói là một. Lại, chỉ như Nhân, pháp đối nhau làm trên dưới, chứ chẳng phải do mỗi một nhân, pháp tự làm trên dưới. Vì sao? Vì đồng một hạt giống sinh, nên đối với nhau làm trên dưới.'

4- "Tợ pháp loại trí, nghĩa là nói về ba môn kiến đạo của môn chân, tự; hai tâm trước là tâm pháp trí; chân thứ ba là Chân loại trí. Nay, bốn pháp nhẫn, bốn pháp trí trong quán tướng, đều "duyên" thể của pháp tám đế hạ thượng, gọi là Tợ pháp trí. Bốn loại nhẫn, bốn loại trí "duyên" pháp nhẫn, pháp trí ở trước, gọi là Tợ loại trí."

5- "Thế tục gồm chung thế gian, xuất thế gian, đây là đối với trí vô phân biệt, nên nói hậu trí. Gọi là trí thế tục, thể là vô lậu, gọi là trí xuất thế. "Duyên" sự thế khởi, còn gọi là trí thế gian. Do nghĩa này nên chung cho cả thế gian, xuất thế gian!"

6- "Đã được hậu trí xuất thế gian, nghĩa là giải thích về danh từ trí Hậu đắc, cũng là nói về thứ lớp của các trí."

7- " Như thứ lớp của các trí đó. Ở mỗi đế có hai thứ trí sinh bình đẳng: Trí nhẫn khả, nghĩa là nhẫn; Trí quyết định, nghĩa là Trí." Pháp sư Thái nói: "Theo văn luận này, quán riêng bốn đế của ba cõi thành tám đế quán, không đồng với tám đế quán của Đối Pháp. Dẫn chứng Thích Luận cho rằng: "Hai tâm trước trong ba tâm, quán riêng hai không Nhân, Pháp của cõi Dục; còn một tâm sau, quán chung nhân, pháp "không" của cõi trên. Đến tâm thứ ba, vì dứt trừ nhân, pháp khắp, nên y theo vào sự dứt trừ khắp, nên gọi là mười sáu đế quán. Vì quán riêng Nhân, Pháp của cõi trên, dưới, nên biết được ba tâm phải vượt hơn bạn luận. Nhưng luận Đối Pháp vì y theo ở cảnh của mình, người nhằm nói về tướng của ba tâm, nên có mười sáu quán, tám duyên chủ thể chấp (năng chấp), tám duyên đối tượng chấp (sở thủ)."

Luận sư Trắc nói lại lời Ngài Tam Tạng: "Vì sao hai luận không đồng? Bởi con đường vào Niết-bàn chẳng phải duy nhất, mà là khá nhiều: hoặc có hữu tình theo luận Đối Pháp, y theo quán "năng chấp", "sở thủ", vận dụng mười sáu quán. Hoặc có hữu tình dựa vào luận Đại thừa, y theo quán hạnh đế trên, dưới, thực thi mười sáu quán." Cặp thứ hai, trong phần nói về khác nhau có ba lần "lại nữa". Lần "lại nữa" thứ ba, trong phần nói về "chấp" khác nói rằng: "không có đạo thuần túy thế gian, dứt hẳn tùy miên v.v... ". Pháp sư Cảnh nói: "Đây là phân biệt với hậu trí của nhị thừa hoàn toàn hữu lậu, là thế gian thuần túy". Lại nói: "Trong giải thích lý do, nhất là vì đã từng tập, nghĩa là hậu trí tu đạo, là loại tướng kiến đạo gọi là từng tập, không được nói là trí kiến

biên đã tu. Nay, địa vị tu khởi, gọi là từng được, vì địa vị ấy chỉ là hữu lậu, nên không gọi là hậu trí. Nay, đã chấp hậu trí tu đạo có cả hai tướng thế, xuất thế gian. Chấp dẫn phát, nghĩa là chấp tướng, tức là hai. chấp của mạt-na, lúc nhập vào chân quán thì hai chấp không khởi. Nay nêu ra chân thì hiện tướng chấp lại khởi, dẫn hậu trí kia, ba thứ không thể mất, hàng phục pháp tướng ba cõi, do ba nghĩa này không dứt hẳn tùy miên.

Pháp sư Thái nói: Ở đây phân biệt lý do trí hậu đắc không dứt. Vì duyên sự nên gọi là thuần đạo thế gian, không y theo nghĩa vô lậu, gọi là xuất thế gian. Ấy là từng tu tập: trí vô phân biệt hậu đắc gọi là từng tu tập. Lại duyên sự này là trí vô tướng phân biệt từng tu, tuy là đồng với chủng loại hữu lậu nhưng là lý do tâm hữu lậu chấp nhau mà dẫn ra, bèn khiến cho trí hậu đắc cũng có tướng, cho đến nói rộng.

Lại giải thích: Thuần là đạo thế gian, là trí hữu lậu không thể dứt phiền não. Nếu thế thì vì sao trong đây lại có ý gì? Trong đây chỉ phân biệt lý do trí hậu đắc không dứt hoặc, chẳng phải trí hữu lậu.

Trong hiện quán thứ sáu, luận sư Cảnh nói: hoặc một bề là xuất thế: là trí vô phân biệt, hoặc có cả xuất thế gian: là trí hậu đắc. Ở đây là nói trí tận vô sanh có cả hai trí chân tục làm thể, đối với hiện pháp, phiền não dứt hẳn quyết định: là giải thích nghĩa tận trí. Ở đời đương lai tất cả y sự diệt hẳn quyết định: Sẽ khởi hoặc nghiệp và quả thú. Sự tất cả bất sanh là giải thích nghĩa của trí vô sanh. Văn phần này là phân biệt nói trí tận vô sanh có cả chân tục, cho nên không được nói trí tận vô sanh chỉ duyên ngã mà sanh tận, v.v... không nói tận, v.v...

Trên đây, nói về môn Đế, uẩn thuộc về nhau có ba đoạn, trong đó hai đoạn đã nói xong.

Dưới đây, là đoạn ba, phá tà, nói chánh, trong đó, trước phá chấp tà, sau nói về nghĩa chánh.

Trong phần trước có hai: Trước nêu ba chương; sau, là nói riêng. Ba chương là:

1- Ba đế của Bà-la-môn.

2- Lỗi trụ ba đế.

3- Đoạ vào số phi Phạm chí.

Y theo trong phần nói riêng, tức là ba đoạn. Đoạn đầu được chia làm ba: Trước là gạn; nêu ba xứ; kế là, giải thích riêng; sau, là tổng kết.

Trong giải thích có ba:

a- Trong nuôi nấng thân mạng, trước nói về phương tiện nuôi nấng

thân mạng; sau nói về lỗi của thọ dụng.

Trong phần trước, lại chia ra ba trường hợp:

1- Chú nguyện.

2- Khen đẹp.

3- Mạng thuật.

Trong chú nguyện có hai trường hợp; khen đẹp có ba trường hợp. Nêu thuật có ba trường hợp:

Trong tu phước thứ hai có ba trường hợp:

1- Nói rộng về sự giết hại vô lượng chúng sinh, lập miếu thờ thần, cầu phước.

2- Do cúng tế, đạt được quả của xứ Phạm thường.

3- Nhân thờ cúng, tế lễ, đa số giành nhau về lợi dưỡng rồi lăng nhục, miệt thị lẫn nhau.

Trong quả an lập thứ ba, trước nói, sau kết. Dưới đây, sẽ tổng kết ba xứ.

b- Trong đoạn thứ hai, trước gạn hỏi; phô bày ba lỗi; sau, giải thích theo thứ lớp, trong đó đầu tiên. Là nói về lỗi của ngữ, nghĩa là vì mục đích nuôi nấng mạng sống nên thốt ra lời nịnh hót, chú nguyện, khen đẹp, kể cả dùng tà thuật, đều tận dụng lời nói dối, nói lời thêu dệt.

Vì trong tu phước nói rộng về, thờ thần tế lễ, cúng tế sát sanh cúng tế được quả thường xứ, v.v... cũng là thêu dệt. Cho nên là lỗi của ngữ.

Kế là, biện biệt về lỗi của sự ngạo mạn, nghĩa là chấp ba xứ đã lập trước là đế. Là thật, rồi khinh miệt người khác, khởi ngã mạn.

c- Thứ ba, là thắng giải chung, riêng có năm trường hợp.

1- Đối với ba xứ đã lập, chẳng quán sát về lỗi của đức, hoàn toàn tín nhận.

2- Dù gặp Phật và đệ tử dạy, răn, vẫn không thể trụ đúng.

3- Tất cả mười hai bộ kinh trong ba tạng, phân biệt khắp giáo, không thể trụ đúng.

4- Không trụ hạnh chính đáng.

5- Đối với Bồ-tát là người trí lập luận, không thể trụ chính đáng.

Kết luận dựa vào ác kiến, chẳng phải số Phạm Chí.

Dưới đây, là thứ hai, trong chỉ bày chánh nghĩa, trước nêu chương. Sau, là giải thích. Trong giải thích, đầu tiên, nói về ba xứ không có ba lỗi lầm. Sau, là nói rơi vào số Bà-la-môn của nghĩa thứ nhất.

Trong phần trước nói: "Nói là không nên tát cả hại chúng sinh, nghĩa là phá ngược lại thứ hai là vì tu phước, nên giết hại chúng sinh, thờ thần, tế lễ. Dưới đây, là nói về xứ này không có ba lỗi.

1- Đối với xứ đã nói không hại chúng sinh, chỉ nói thật, không có giả dối, không có lỗi của lời nói.

2- Không tự chấp lới nói này của ta là thật, rồi khinh miệt người, khởi lên ngạo mạn.

3- Trong không có lỗi về thắng giải, có bốn trường hợp khác nhau:

1) Đối với không giết hại, xét thật kỹ công đức, lỗi lầm, có thể thêm pháp thiện.

2) Do không hại chúng sinh, nên có thể lợi ích thân, tâm ưa trụ hiện pháp.

3) trụ trong quán tưởng từ bi.

4) Đối với không hại, chẳng phải tin vào hành động người khác, mà chủ yếu là tự giác ngộ chân chính. Nói "Tất cả hành pháp là vô thường" là xứ thứ hai. Ngoài ra, như trước đã nói.

Trái lại, trong quả an lập thứ ba, thân trời là thường không có ba lỗi. Nói "Tất cả pháp vô ngã" là xứ thứ ba, pháp còn lại như trước đã nói. Nghĩa là trái với đây, thứ nhất, nuôi dưỡng thân mạng, người kia chấp có ngã, mong cầu tài vật của ngã. Vì nuôi dưỡng thân mạng của ngã, nên làm chú nguyện, khen đẹp, phô bày thù thuật.

Sự khác nhau ở đây là trong không hại thứ nhất, nói phần nhiều trụ trung quán tưởng ở Từ bi."

■